Năm thứ hai — Số 63
Tuần-lễ từ thứ tư 9 đến
thứ ba 15 Septembre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Thân-thế và văn-nghiệp nhà thi-hào Nguyễn-Du — *Hoa-Bằng*
Một áng văn kiệt-tác của cụ Nguyễn-Du — *Hoài-Chân*
Kim-Vân-Kiều — Văn thề tập Kiều
Tài-liệu đính-chính, (XXXX) — *Ứng-Hòe Nguyễn Văn-Tố*
Một án phụ tình nhờ Tố-Như được minh oan — *Nguyễn Đan-Tâm*
Chén rượu tiễng châu đã « dẻ » được tập thơ vịnh Kiều — *H. B.*
Án các nhân-vật trong truyện Kiều — *Yên-đô Nguyễn-Khuyến*
Khấp Tố-Như — *Hội-Thống Vũ Văn-Lợi*
Tra nghĩa chữ nho (XVII) — *Nguyễn Văn-Tố*
Những ông nghè triều Lê (XXXV) — *Ứng-Hòe*
Xứ Brésil (Thời đàm) — *Nhật-Nham*
Thơ — Hát nói — *Cô Cẩm-Lai — Trúc-Khê*
Trúc mai sum-họp (Tiểu-thuyết, XII) — *Chu-Thiên*

0$20

Nhân ngày mồng mười tháng tám giỗ cụ Tiên-điền

Thân-thế và văn-nghiệp của nhà thi hào NGUYỄN-DU (1765-1820)

HOA-BẰNG

MỒNG mười tháng tám âm-lịch, ngày kỷ-niệm năm thứ 122 sau khi thi-hào Nguyễn Du tạ-thế.

Ngày ấy đã in trên trang sử văn-học Việt-nam những nét tối quan-trọng nhắc lại cho chúng ta nay một cái ghi nhớ sâu-xa, một cái khêu gợi về tinh-thần mến-chuộng quốc-văn, một cái quan-niệm thiết-tha đối với tiếng mẹ đẻ và, hơn nữa, một cái hào hứng tỏ rằng tiếng Nam ta, cũng chẳng kém gì tiếng của các nước văn-minh có thể diễn đạt được tư-tưởng, tình tự và ý thức một cách đầy-đủ thỏa đáng!

Truyện Kiều đã làm chứng cho lời tôi nói đó.

Tác-giả truyện Kiều, Nguyễn-Du tiên-sinh, đã thành công trong cuộc thi nghiệm tiếng mẹ đẻ ấy

Tiên-sinh, tự Tố-như, hiệu Thanh hiên, người làng Tiên-điền, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh, sinh năm Cảnh-hưng thứ hai mươi sáu, 1765, đời vua Lê-Hiển-Tông, 1740-1786

Là con Xuân quận-công Nguyễn Nghiễm và là em tham-tụng Nguyễn-Khản đời Lê, tiên-sinh có văn tài và khí-tiết.

Theo quan-niệm xưa, tiên-sinh cũng như nhiều nhà nho có tiết-tháo khác, thường ôm cái tư-tưởng trung với cá-thể một triều-đại, chứ không chú-trọng vào toàn cục một quốc-gia. Đối với Tây-sơn bấy giờ, tiên-sinh cho là một nước cừu-địch, hay quá nữa, là một ngụy-triều, nên không chịu ra giúp tân-trào trong công-cuộc kiến-thiết vì lấy cớ rằng mình là con nhà tướng, đời đời tơ tấm chịu ơn Lê.

Tư-tưởng ấy tiên-sinh vẫn ôm ấp mãi cho đến khi vua Gia-long 1802-1819 đã nhất thống Nam, Bắc. Vì nặng lòng với nhà Lê, nên tiên-sinh vẫn nhìn thời-cục bấy giờ bằng con mắt lãnh-đạm.

Trong khoảng thời-gian từ cuối Lê, qua Tây-sơn đến trước khi đáp theo tiếng gọi của triều Nguyễn tiên-sinh tự đặt mình vào địa vị một gái duyên phận dở-dang, muốn « khép cửa phòng thu », mặc ai mưa Tần, gió Sở.

Phải, đối với thời-thế, với chính-trị, tiên-sinh « ngoài tai bỏ mặc gió bay », không muốn đem tài học thi-thô với đời, nên chỉ thích sống những ngày ẩn dật tiêu-dao, giết thì giờ bằng cuộc chơi săn ở Hồng-lĩnh. Vì vậy tiên sinh bấy giờ, tự hiệu là « Hồng-sơn liệp-hộ», in vết chân hầu khắp 99 ngọn trong dải danh sơn ấy.

Nhưng « dầu sao cũng ở tay người biết sao! » Hồi ấy, trong nước đã đại định, hết thảy nhân-dân đều sống dưới quyền thống-trị của vua Gia-long Tiên-sinh dẫu muốn sạch mình đến đâu cũng không thể trốn ra ngoài cái « luật » thu dụng nhân tài của nhà cầm quyền bấy giờ được.

Từ-chối lệnh vời không được, tiên-sinh, năm Gia-long thứ nhất, 1802, phải ra làm tri-phủ Thường tín (Hà-đông).

Rồi đó tiên-sinh từ quan vì đau yếu

Năm Gia-long thứ năm, 1806 tiên-sinh lại được vời bổ Đông-các học-sĩ Rồi ra làm cai-bạ ở Quảng-bình. (Gia-long năm thứ tám, 1809)

Trong khi làm quan ấy, tiên-sinh có công-cán về mặt chính-trị.

Năm Gia-long thứ 12, 1813, tiên-sinh được thăng làm Cần-chính điện học-sĩ, sung chánh-sứ sang cống nhà Thanh bên Tàu.

Khi về nước, tiên-sinh được thăng Lễ-bộ hữu tham-tri.

Năm Minh-mạng thứ nhất, 1820, lại có lệnh cử tiên-sinh đi sứ Tàu, nhưng chưa đi thì mất.

Trước cái tang chung của văn-học-giới và chính-giới ấy, vua Thánh-tổ (miếu hiệu vua Minh-mạng, 1820-1840) rất thương tiếc, ban cho tang gia 20 lạng vàng, 2 cây gấm tàu.

Sau khi đám tang đã về, nhà vua lại ban cho 300 quan tiền nữa.

Theo như Đại-Nam chính biên liệt-truyện sơ-tập đã chép, thì tiên-sinh là người ngạo-nghễ, tự-phụ, nhưng bề ngoài vẫn tỏ vẻ cẩn thận, chín chắn và giữ-gìn. Mỗi khi tiến lên yết-kiến nhà vua thì e dè lúng túng như là không thể nói nên nhời được.

Vua thường dụ rằng: « Nhà nước dùng người chỉ cốt lựa lấy người hiền, chứ không hề phân biệt Nam, Bắc. Khanh và Ngô-Vị (1) đã được bề trên tri-ngộ, làm

đến á-khanh, thì nên không cái gì đã biết mà không nói, trổ sức làm đầy đủ chức vụ mình. Vậy há nên len-lét rụt-rè chỉ chăm vâng dạ cho qua chuyện ! »

Trong khi dương buồm trên biển hoạn, tiên-sinh thường bị các quan trên làm khó dễ, nên trong trí vẫn bực dọc không vui :

« Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ ! »

Khi bịnh nặng, tiên-sinh không chịu uống thuốc. Khi bảo người nhà rờ chân tay xem, thấy họ nói « đã lạnh rồi ! » tiên-sinh thốt ra một tiếng gọn lỏn : « Được ! »

Nói xong thì mất, không một lời trối lại về việc sau khi mình qua đời. Bấy giờ là ngày mồng mười tháng tám, Minh-mạng nguyên-niên, 1820. Thọ 55 tuổi.

Quan-tài đã đậy nắp Công luận đã có nghìn thu.

Tâm-sự ngổn-ngang ấy và bước xuất-xứ éo-le ấy của tiên-sinh phai chăng đã được tác-giả truyện Kiều bộc-bạch và tự bao-chữa bằng mấy câu này :

« Có khi bền, có khi thường,
Có quyền, nào phải một đường chấp kinh ?
Như nàng lấy hiếu làm trinh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay ! »

.·.

Tiên-sinh sở trường về thơ, nhất là văn nôm lại càng trội lắm. Trong văn-nghiệp của tiên-sinh, ngoài mấy tập thơ chữ hán như Bắc-hành thi tập (2) *và* Thanh-hiên thi tập, *có tập truyện nôm viết bằng văn vần đã từng nổi tiếng và được truyền tụng xưa nay tức là quyển* truyện Kiều, *nhất danh* Đoạn tràng tân thanh *mà trong* Đại Nam liệt truyện *chép là* Thúy Kiều truyện *đấy.*

Để viết cuốn Truyện Kiều *ấy, Nguyễn Du dựa vào quyển tiểu-thuyết tàu của Thanh-tâm tài-nhân biên-soạn nhan là* Kim Vân Kiều truyện *mà dịch thành văn vần lục bát.*

.·.

Về vấn-đề lai-lịch truyện Kiều *này, bạn Đào Duy-Anh và ông Dương Quảng-Hàm đã viết trên tờ Tri-Tân nói kỹ-càng rồi.*

Nhưng, viết bằng Hán-văn trước hai nhà học-giả thân-yêu của tôi đây hàng 36 năm, cụ Cử Nguyễn Kỳ-Nam, trong bài tựa tập Vịnh Kiều *(xin đọc thêm một bài ở dưới nói về tập này) đã rọi cho người sau một tia sáng để dẫn đến con đường tìm thấy nguồn gốc* truyện Kiều nôm *của nhà Hồng-sơn liệp-hộ*

Đây, mấy câu nguyên-văn trong bài ấy của cụ Kỳ-Nam :

« Nguyên phù Thanh-tâm tài-nhân lục giả ai Vương Thúy-Kiều chi bất đắc kỳ ngộ nhi tác dã... Tắc hữu tuệ nghiệp danh-lưu, văn tâm tài-tử, duyệt sơ chung phàm thập ngũ tải, kịch liên nhất đoạn u tình ; khu điều mục vi nhị thập hồi, dĩ sĩ thiên thu đồng hiểu. Yên chi phân Bắc-bộ, Thánh-thán công nhân tác phê-bình. Truyền-tụng đáo Nam châu, Tiên-điền tẩu biệt tài âm luật... » *(viết từ năm 1905).*

Đoạn văn lược trích trên đây nguyên là thể văn biền ngẫu đối nhau, nay muốn cho rõ nghĩa, tôi xin dịch ra văn xuôi như dưới :

« ... Cuốn truyện của Thanh-tâm tài-nhân nguyên vì thương nàng Vương Thúy-Kiều gặp nghịch-cảnh mà làm ra ..... Rồi có tay tài hoa danh-sĩ, nghiệp dầy thông-tuệ, lòng giàu văn-chương, nhìn suốt quãng đời của nàng Kiều trước sau hàng 15 năm ấy, nặng lòng thương hại một đoạn u-tình của giai-nhân, bèn chia điều phân mục truyện ấy làm 20 hồi để đợi sau nghìn thu ai là bạn chung mối ưa-thích thì cùng thưởng-giám.

« Truyện ấy là truyện một khách son phấn ở bên Tàu, đã được ông Thánh-thán phê-bình

Tri-Tân số 64 sẽ có loạt bài về dịp kỷ-niệm đức Trần-Hưng-Đạo.

Tri-Tân số 65 sẽ là chuyên-san về vua Lê-Thái-Tổ.

Trong mấy số báo ấy, các bạn thân-yêu sẽ nhận thấy sự cố gắng của Tri-Tân.

Vậy mong các bạn có sáng-kiến gì hay, tài-liệu gì quí, xin làm ơn góp với Tri-Tân để đi đến kết-quả mỹ-mãn. Xin cảm-tạ trước. TRI TÂN

rồi ; khi truyền-tụng đến nước Nam, lại được cụ Tiên-điền tài-chế ra bằng một âm-điệu và cách-luật khác... »

Tôi nay xin nhắc sơ để các bạn đọc nhớ lại rằng : Chừng huyến đi sứ vào năm 1813, Nguyễn Du ở Tàu, có kiếm được cuốn Kim Vân Kiều truyện, *khi về nước, liền phỏng theo cuốn tiểu thuyết tàu đó mà làm thành* truyện Kiều *nôm.*

Khi so sánh bản Kim Vân Kiều truyện *và bản* truyện Kiều nôm, *người ta thấy chúng nó giống nhau cả từ đại-cương đến tình tiết ; nhưng có điều ta phải phục là tác-giả Nguyễn-Du đã làm cho việt-hóa hết cả các vai trong truyện và cải-thiện được những chỗ khuyết điểm của nguyên văn chữ hán. Nói tóm, Nguyễn Du đã ăn và hóa được những món đã ăn, nên người đọc dễ nhận thấy những chỗ sáng tạo và đặc sắc của ngòi bút Tiên-điền (3).*

Có thể nói : mặc dầu vở tuồng Le Cid *của Corneille mượn đầu đề của tác-giả Tây-ban-nha Guilhem de Castro, nhưng nó vẫn có giá-trị và đặc-sắc trong văn-học-giới Pháp. Mặc dầu* truyện Kiều *dựa theo cốt truyện của Thanh-tâm tài-nhân, nhưng* truyện Kiều *của Nguyễn Du vẫn là một văn-phẩm bất hủ trong làng văn Đại-Việt.*

« Khen : tài nhả ngọc, phun châu,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai ! »

HOA-BẰNG

1, Ngô-Vị người Thanh-oai, Hà-đông, con của Ngô-Sĩ, đốc-đồng Lạng-sơn đời Lê.

2, Tập thơ này tiên-sinh làm vào hồi sau khi đi sứ Tàu (1813) về.

3, Tham khảo các sách báo : *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập,* quyển 20, tờ 8-9, của Quốc-sử-quán; *Tiên điền tiểu truyện* của Tùng-Vân Nguyễn-Đôn-Phục đăng báo *Đông Pháp* ; *Tiểu truyện Nguyễn-Du* của Dương Quảng-Hàm trong *Quốc văn trích diễm* ; *Lai lịch sách Kiều* của Đào-duy-Anh đăng *Bạn đường* số 3, ngày 16-3-1941, *Nguồn gốc truyện Kiều của cụ Nguyễn-Du* của Dương-quảng-Hàm trong *Tri-Tân* số 4, ngày 24 Juin 1941 ; *Bàn thêm về lai-lịch sách « Kim-vân-Kiều »* của Đào-Duy-Anh trong *Tri-Tân* số 6, ngày 8 Juillet 1941 ; *Tựa của Nguyễn kỳ-Nam trong tập vịnh Kiều...*

Mới xuất bản :

DANH NHÂN VIỆT-NAM

của PHAN TRẦN-CHÚC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-DÂN xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1
Mỗi quyển bản thường : 0$70
Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4$00

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p,30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat đề tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, Rue du Coton — Hanoi

Đang in

VIỆT-NAM CỔ VĂN-HỌC SỬ'

tác giả Nguyễn đổng-Chi, *tựa của* Trần-v-Giáp

Lời bạt của HUỲNH THÚC-KHANG

500 *trang toàn những tài liệu văn học rất qui, soạn theo một phương pháp rất khoa học — Giá* 4p.50

Ai gửi tiền mua trước ngày 1er Octobre 1942 sẽ được trừ 10% và không phải trả tiền bưu phí

Thư và tiền gửi về M.

Le Directeur HÀN-THUYÊN XUẤT-BẢN-CỤC

Rue Tien-Tsin — Hanoi

MỘT ÁNG VĂN KIỆT-TÁC CỦA CỤ NGUYỄN-DU

Cầm-giả dẫn (1)

Long-thành giai-nhân,
Bất kỳ danh tự,
Danh độc thiện nguyện cầm.
Cử thành chi nhân dĩ cầm danh.
Học đắc tiên triều cung trung « cung phụng khúc »
Tự thị thiên thượng nhân-gian đệ nhất thanh.
Dư tại thiếu-niên tằng nhất kiến;
Giám-hồ hồ biên dạ khai yến.
Thử thời tam thất chính phương niên,
Xuân phong yểm-ảnh đào hoa diện.
Hoãn như trần-phong độ tàng lâm;
Thanh như chích hạc minh tại âm;
Liệt như Tiến-phúc bi đầu tòái tích-lịch;
Ai như Trang-tích bệnh trung vi việt ngâm.
Thính giả mỹ-mỹ bất tri quyện;
Tận thị trung hòa Đại nội âm.
Tây-sơn chư-thần mãn tọa tận túy đảo,
Triệt dạ truy hô bất chi bảo,
Tả đà hữu chuyển tranh triền đầu,
Nê thổ kim tiền thủ thảo thảo.
Hào hoa ý khí lăng công hầu;
Ngũ-lăng thiếu-niên bãi tác đạo,
Tỉnh tương tam thập lạc cung xuân
Hoạt tố Trường-an vô giá bảo.
Thử tịch hồi đầu nhị thập niên,
Tây sơn bại hậu dư nam thiên,
Chỉ xích Long-thành bất khả kiến,
Hà huống thành trung ca vũ diên.
Tuyên phủ sứ quân vị dư trùng mãi tiếu.
Tịch trung ca-kỹ giai niên thiếu.
Tịch mạt nhất nhân phát bán hoa,
Nhan sắc, thần khô, hình lược tiều,
Lang-tạ tàn mi bất sức trang.
Thùy tri tưu thị đương niên thành trung đệ nhất điệu,
Cựu khúc tân thanh ám lệ thùy,
Nhĩ trung tĩnh thính, tâm trung bi.
Mãnh nhiên ức khởi nhị thập niên tiền kự:
Giám-hồ hồ biên tằng kiến chi.
Thành quách suy đi, nhân sự cải,
Kỷ xứ tang điền biến thương hải.
Tây-sơn công-nghiệp nhất đán tận tiêu vong,
Ca vũ không lưu nhất nhân tại!
Thuấn tức bách niên năng kỷ thì.
Thương tâm vãng sự, lệ chiêm y.
Song nhãn trừng trừng không tưởng-tượng,
Khả lân đối diện bất tương tri!

Dịch

Thành Thăng-long có người con gái,
Chẳng ai hay tên tuổi là chi;
Cầm hay nổi tiếng một thì,
Tên « Cầm » đồn khắp một khi đã nhiều.
Học được khúc tiên triều mọi thuở,
« Cung-phụng » này khúc ở trong cung;
Tiếng hay não nuột lạ-lùng,
Nhân gian mấy khúc hẳn không vì bằng.
Ta khi trẻ đã từng gặp-gỡ,
Bên Giám hồ tiệc mở canh thâu;
Nàng vừa hăm-mốt tuổi đầu,
Gió xuân thoáng mặt hoa đào long-lanh.
Tiếng khoan tự ngàn thông gió thổi;
Tiếng trong như hạc nói dưới non,
Tiếng mau sét đánh bia tan;
Tiếng buồn Trang tích thở than bệnh sầu.
Nghe não nuột biết dâu mệt-mỏi
Đều khúc ca trong nội đưa ra.
Tướng Tây (2) mấy gã say sưa
Suốt đêm hát sướng vẫn chưa thỏa lòng.
Say chầu hát, ôm bồng nghiêng ngả,
Vứt bạc tiền nào sá vào đây:
Hào hoa hơn bực công-hầu,
Ngũ-lăng công-tử dễ đâu sánh bằng.
Thoáng dạo khắp cầm trăng mấy bực,
Năm sáu cung nào nức màu xuân;
Rõ ràng của quí Tràng-an
Thanh cao giá ngọc vẹn phần mười mươi.

∴

Ngó tiệc ấy hai mươi năm trước
Tây-sơn thua, ta bước vào Nam,
Long-thành gang tấc xa xăm
Huống chi tiệc hát mấy năm trong thành.
Tuyên-phủ-sứ nặng tình cố cựu,
Lại vì ta tiệc rượu mua vui;
Cô đầu trong tiệc hát chơi:
Trẻ thơ mấy ả mày ngài, mặt hoa.
Cuối tiệc có một bà già cả,
Hình gầy mòn đầu nửa hoa râm,
Nét này son phấn biếng chăm,
Ai hay là chính chị « Cầm » ngày xưa.
Hát mấy khúc thầm đưa giọt lệ;
Tai lắng nghe dạ tẻ ngẩn-ngơ,

xem tiếp trang 18

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 40 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

CXXXV

Kim Vân Kiều

NHỮNG câu dưới này đều chép theo quyển *Đoạn-trường tân-thanh* là quyển Kiều in bằng chữ nôm của cụ phó-bảng Kiều-oánh-Mậu xuất-bản năm Thành-thái nhâm-dần, tức là năm 1902. Trong bài tựa chữ nho, cụ Bảng nói rằng cụ chép theo bản *Kiều* của cụ đình-nguyên Đào-nguyên-Phổ đem ở kinh ra, trong có chữ phê của hai bậc danh-nhân đồng-thời với cụ Nguyễn-Du, là cụ Vũ-Trinh và cụ Nguyễn-Lượng.

Đã đành duyên trước chẳng mà,
Thì chi chút-đích *gọi là duyên sau.*

Chữ *đành* ở câu trên, các bản đều viết là chữ *không* Nếu là chữ *không*, mà dưới lại có chữ *chẳng*, thì nghĩa khác hẳn. Chữ *chút-đích* ở câu dưới, nhiều bản viết là *chút ước*. Chút-đích là tiếng riêng của người ở vùng Nghệ-an, nghĩa cũng như chút-đỉnh; cho nên có bản quốc-ngữ in là chút-đỉnh.

Chiếc *trâm sẵn giắt mái đầu,*
Vạch da cây, vịnh tám *câu* tư *vần.*

Chữ *chiếc* ở câu trên, các bản viết chữ là *rút*. Theo phép làm văn, câu văn không lộ mà ý vẫn rõ mới hay. Dùng chữ *chiếc* thì câu văn cứng hơn; tuy không có chữ *rút* mà ý vẫn là rút. Câu dưới, chữ *tám câu tư vần*, xưa nay đều viết là *bốn câu ba vần*, thì nhầm, vì quyển *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh-tâm tài-tử (hoặc tài-nhân) soạn bằng chữ Hán có dẫn bài thơ tám câu bốn vần như sau: « Tây-phong hà hốt khởi? *Trận trận* sử nhân *ai*! Thảm thiết như hàm oán, Thê-lương tự hữu *hoài*. Thừa loan nghi sạ khứ, Khóa hạc nhạ trùng *lai*. Bất đoạn hương-hồn xứ, Thương thương kỷ ấn *đài*», nghĩa là chợt đâu nổi trận gió tây, trận này trận khác khiến người bi-ai! Oán hờn như thảm-thiết thay! Lạnh-lùng nhường có lòng đây bồi hồi. Xe loan ngờ đã đi rồi, hay đâu cưỡi hạc tái hồi lần sau. Hương hồn chẳng dứt nơi đâu? Dấu giày in ngấn một màu xanh-xanh ». Cứ bài thơ chữ Hán đây, thì phải chữa là « tám câu tư vần», chứ không phải là «bốn câu ba vần»

Chung quanh vẫn đất nước nhà,
Với Vương-Quan trước vẫn là song-thân.

Song-thân ở câu này không giống nghĩa với chữ *song đường*. *Song* nghĩa đen là cửa sổ, nghĩa bóng là bạn cùng học một thầy. Người ta thường dùng chữ đồng song, hoặc song-nghị song-khê, song-thân. Các bản viết là đồng-thân thì không đúng nghĩa, vì đồng-thân là người cùng họ, người thân-thích. Song-thân nghĩa là bạn thân trong cửa sổ, tức là bạn học thân thiết.

Nhớ từ năm hãy thơ ngây,
Cứ trong tướng-phép lắm thày chê bơi.

Các bản đều viết câu dưới là; « Có người tướng-sĩ đoán ngay một lời », xem hơi hẹp mà thiếu ý chê. Về thể văn, thì câu « Cứ trong tướng pháp » lịch-sự hơn.

Kê-khang này khúc Quảng-lăng,
Một rằng *Hoa-nhạc*, một rằng *Qui-vân.*

Câu dưới các bản đều viết: «Một rằng Lưu-thủy, hai rằng Hành-vân». Có lẽ sai, vì Lưu-thủy với Hành-vân không phải là khúc đàn Kê-khang. Trong bài tựa của Cố-Huống ở tập *Văn-uyển anh-hoa*, có câu: « Qui-vân dẫn, Hoa-nhạc dẫn, chư khúc giai Quảng-lăng chi di », nghĩa là khúc Qui-vân, khúc Hoa-nhạc, các khúc ấy đều là trong khúc Quảng-lăng sót lại».

Ngọn Lan *càng tỏ thức hồng,*
Đâu mày cuối mắt cang nồng tấm yêu.

Các bản đều viết là *hoa đèn*. Trong *Tình-sử* có câu: «Lan-môi đăng tẩn, trục hoa giã», nghĩa là ngọn đèn bằng than cỏ Lan chay hết, tức là hoa đèn đo.

Mở xem thủ-bút nghiêm-đường,
Nhắn rằng; « Thúc-phụ xa đường mạnh-chung»
« Hãy còn ký-táng Liêu-đông,
« Cố-hương khơi diễn nghìn trùng sơn-khê.

NHỮNG SÁCH NÊN XEM

Truyện đức Khổng tử	1.00
Mấy thầy tu huyền bí	1.10
Na-Tiên Tỉ-kheo kinh	
Cuộc vấn đáp về đạo-lý	0.80
Pháp-giáo nhà Phật	1.10
Tăng-đồ nhà Phật trọn bộ 2 quyển, có nhiều tích hay	2.50
Chuyện Phật đời xưa	1.00
Du lịch xứ Phật	0.90

Ở xa, gửi mandat phụ thêm 10% làm cước phí. — Cũng gởi lĩnh hóa giao ngân. Các hàng sách mua buôn có hoa hồng 25% và khỏi cước

Thơ đề:
M. ĐOÀN TRUNG-CÔN
143 - Rue de Louvain, Saigon

« *Rày đưa linh - thần về quê,*
« *Thế nào con cũng phải về hộ tang* »

Sáu câu này các bản đều viết có bốn câu như sau :

Đem tin thúc-phụ từ-đường.
Bơ-vơ lữ-thấn tha - hương đề-huề.
Liêu-dương cách trở sơn - khê,
Thông - đường hoặc (*Xuân-đường*) *kịp gọi Sinh về hộ tang.*

Sáu câu trên với bốn câu dưới đều là giọng văn của cụ Nguyễn-Du, có lẽ cụ chữa lại chăng ?

Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh,
Rạng-rỡi khung dệt, tan - tành gối may.

Câu dưới thường chép là : «Toang-hoang khung cửi, tan-tành gối may » hoặc «Rụng - rời giọt liễu, tan-tành gối mai». Dệt và may là công-việc đàn bà ; bọn lính-tráng đến thì công việc bỏ dở. Còn như «giọt liễu» nghĩa là đàn-bà khóc, với «gối mai», có lẽ chỉ vì chữ *liễu* mới đặt chữ *mai* cho đối, chứ không có nghĩa gì.

Còn nữa

CXXXVI

Vợ tế chồng (tập Kiều) (1)

Than ôi ! Non khơi nước thẳm, hương lửa ba đông, đất thấp giời cao, bể dâu một cuộc. Cơ tạo-hóa xoay vần là thế, nỗ nhân-duyên khê-khoát từ đây,

Nhớ ông xưa vốn dòng trâm-anh, cũng phường ngọc bội. Thuở trước theo đòi nghiên bút, tràng văn chiếm bảng, quốc-sĩ lừng phong-nhã hào-hoa ; bấy lâu nhường vẻ cân đai, thanh-vân rộng mở, vương thần đã quyền cao chức trọng

Thiếp, từ ngày kết tóc, duyên đằng thuận nẻo gió đưa ; mừng cũng gần miền, dây cát được nhờ cây bóng. Khi phó chức treo bầu quẩy xếp, quan sơn nghìn dặm, lúc ra vào, lúc ăn ở, sớm khuya hầu bạ đài doanh ; buổi qui-ninh treo ấn từ quan, xum họp một nhà, khi chè chén, khi thuốc-thang, thay đổi sắm-sanh lễ vật. Việc gia-thất trong ngoài êm ấm, cả phận cả tôi phận tôi ; nhờ uy-linh cha mẹ rõ ràng, ân giả ân, nghĩa giả nghĩa. Công tư đà hai nhẽ đều xong, tiệc xuân mới vài tuần chưa cạn,

Cũng tưởng bóng dâu vừa xế, bảy mươi rồi tuổi hạc càng cao ; nào ngờ lửa lựu lập lòe, trăm năm ấy chén thề chưa phỉ. Đau đớn nhẽ dạ-đài vĩnh-quyết, nào tang trai, nào khâm liêm, bao giờ cho lại thấy dung-quang ; ngậm-ngùi thay linh vị chữ bài, kia chăn gối, kia áo xiêm, từ rày luống những thừa dấu cũ. Phận liễu tính đều dày mỏng, mấy lần nhạn cá, kể ra khi đã tay bồng ; sân hòe ai kẻ chân cam, chiếc bóng song the, nói lắm lại càng ruột héo. Mấy ả thơ ngây phận gái, chỉ bồng lá thắm, nhờ ơn xong chín chữ sinh thành ; một giai con thứ rốt lòng, thông cỗi huyên già, tuổi trẻ nặng mọi đường báo đáp.

Ôi ! một cơn gió thảm, lá rụng hoa rơi ; muôn sự cơ giời, quạt nồng đắp lạnh. Xót những nhà hương thanh vắng, nọ những đào thơ liễu yếu, một đoàn mong cho được vuông tròn ; nghĩ mình bóng ngả về tây, dầu khi rày gió mai mưa, trăm nỗi biết cùng ai than-thở ? Thần hôn một hai lễ, kính dâng gọi chút lòng thành ; bút thảo vài bốn câu, kể lể xiết muôn ân-ái. Hỡi quan Vũ ơi ! Suối vàng biết cho.

(Trích ở quyển *Kim Vân Kiều truyện chú*, sách viết bằng chữ nôm và bằng chữ nho của trường Bác-cổ, số A B 233, tờ 64a-64b).

Còn nữa

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

1· Bài văn-tế này của ông cử Đoàn Văn-Phương, người làng Thọ-tung, tổng Cổ-gia, huyện Nam-chân, làm tri-phủ Xuân-trường, nghĩ hộ cho thứ thất « Vũ Học-đường đại-nhân, quê làng An-chỉ, huyện Chân-định ». Ông Đoàn Văn Phương đỗ cử-nhân khoa bính-tý, 1876, đời vua Tự Đức. Sách *Quốc-triều hương-khoa lục*, của trường Bác-cổ, số A 36, quyển 4, tờ 21 a, chép ông là Đoàn Văn-Anh đỗ thứ sáu, sau đổi tên là Đoàn Văn-Phương, « người Nam-định, xã Đồng-thanh », làm quan đến tri-phủ Xuân-trường, rồi về hưu.

Thống chế Pétain đã nói :

« Từ đây, nước nhà đã đồng-tâm hợp nhất, thì phải lao-động và tư-sản phải nên cố gắng để thoát khỏi những sự câu-nệ chỉ tỏ làm cho biếng-nhác và nên hiểu rõ cái lợi chung của người công-dân ».

Cái thú tập Kiều ra sao ? Cái cách tập Kiều thế nào ? Các bạn đọc

Kiều vận tập thành

(Sách dạy tập Kiều)
Soạn giả : Bình - Nam Nguyễn - Đăng - Cư
Tiến sĩ, trước sung Cổ học viện viện trưởng ở Huế
Sách dày 130 trang rộng — có 2 phần : trên là bản Kiều vận tập thành dưới là bản Kim vân kiều truyện
Giá bán đặc biệt 0p35 — Cước thường 0p20
Bề cho Hiệu sách Đông Tây — 195 hàng Bông Hanoi

Chuyện thơ

Một cái án tình-phụ nhờ cụ Tô-Như mà được minh oan

Đã mấy lần quan án Từ, thành Lạng, sai lính đuổi ra một người đàn bà đến kêu vì chồng tình-phụ.

Người ấy đến đây buôn bán đã được mấy năm, coi còn trẻ tuổi và ra dáng con nhà.

Lá đơn còn trên án. Quan buồn tình thử xem sự-thể ra sao.

Đọc mấy câu đầu, quan giật mình : mấy vần thơ lục-bát mà lại là mấy câu thơ lấy Kiều.

Bình thời trên hoạn lộ, ngài không bao giờ quên đem theo tác-phẩm của Nguyễn-Du.

Động hồn thơ, quan cất giọng ngâm, quên cả đấy là một lá đơn :

« Duyên con từ thuở thiếu-niên,
Mẹ cha khuất bóng hai em ấu-trùng.
Một lòng hai chữ hiếu-trung,
Bướm ong rộn rã, tây đông mặc người !
Đến tuần tuổi mới đôi mươi,
Chán quan Bảng-nhãn đưa nhời vấn danh.
Má hồng, ghen ghét giời xanh,
Soi gương chửa đáng cất mình ra đi.
Tạ từ giả lại lễ-nghi,
Chỉ giăng, thề chả xướng tùy với ai !
Ở nhà nuôi lấy em giai,
Tìm người tần-tảo thay nhời mẹ cha.
Xưa còn rờ-rỡ đào hoa,
Chỉ mong em nó nghi-gia cập thời.
Biết thân tránh chẳng khỏi giời,
Thà liều má phấn cho rồi ngày xanh.
Lần thâu gió mát, giăng thanh,
Bà Điều-Ngoan ở bên thành sang chơi.
Ngọt ngon nói nói, cười cười,
Nghe trong thì cũng ra người bao dung.
Dỗ-dành em lấy chồng chung,
Tú-Bà sống lại cũng không khéo bằng.
Khen cho nguyệt lão xích thằng,
Một giây, một buộc, ai giằng cho ra.
Bụng con trẻ dạ đàn bà,
Tưởng rằng đắc sách ở nhà là hơn.
Mẹo lừa đã mắc vào khuôn,
Bà đưa bạc bốn trăm nguyên tức-thì.
Mua nhà tậu đất phúc-từ,
Xam-xanh làm lễ vu-quy định ngày.
Gục con chuộc ruộng về ngay,
Mưu cơ văn khế tên thầy Điều-Ngoan.
Lấy con vừa được nửa niên,
Lại đem văn khế bán chuyên cho người;
Cỡ ra vơ-vét sạch rồi,
Đem con về buộc ở nơi Lạng-thành.
Đêm thâu vằng-vặc năm canh,
Gió đưa chiếc bách lênh đênh giữa giòng.
Người vào chung gối loan phòng,
Con ra tựa bóng đèn dong canh chầy !
Ngày ngày giở tỉnh, giở say,
Làm cho bể ái khi đầy, khi vơi.
Bề ngoài thơn thớt nói cười,
Mà trong nham hiểm giết người không dao !
Con sinh ra phận má đào,
Sa cơ nên phải lụy vào tôi ngươi.
Xem gương ba, bốn năm nay,
Thân con chẳng kẻo mắc tay bợm già.
Lừa con lấy sạch cửa nhà,
Giam con quyết bỏ làm ma không chồng !
Bà Điều giở giọng Hà-đông,
Cho nên con đến cửa công trần tình :
Xin người chính-đại, cao minh,
Xin người xoi xét sự tình con oan,
Cứu con trong tuổi đầu xanh,
Con xin kết cỏ ngậm vành mai sau.
Cúi đầu lạy đức cao sâu !...

Quan thích chí ngâm đi ngâm lại vì người đàn bà đã đánh trúng sở-trường của mình. Quan cho gọi người đàn bà ấy đến. Người ấy thưa :

— Hồi còn con gái, quê ở tận Ninh-bình, cha mẹ mất sớm, nhất định ở lại nuôi em cho nên người và thề rằng bao giờ lấy vợ cho em, mới đi lấy chồng.

Nhưng không ai thoát khỏi số trời :

Bà Điều kia, vợ một ông lang thuốc, thấy cô ngoan ngoãn, nết na, có chút tư sắc và nhất là lại có chút tư sản. Bà lân la quyến-rũ để về làm chị, làm em. Nhưng một khi tay đã nhúng chàm, giang-sơn vốn liếng ngày một hết. Hai vợ chồng lão lang lại khôn khéo đưa lên Lạng-thành buôn bán để đỡ tai tiếng với trong họ ngoài hàng, rồi dồng đất xa xôi bỏ lửng người con gái sa cơ vì nhẹ dạ...

Nghe đâu người con gái ấy về sau đẹp duyên với một quan Tri-châu đường ngược và cái án ấy minh ra, nàng được đòi lại hết gia-sản, để sống một cuộc đời êm ả hơn. Án ấy ở quan án họ Từ nhưng cũng ở nàng Kiều của cụ Nguyễn.

NGUYỄN ĐAN-TÂM kể

Một danh-sĩ xưa đã chia hồi truyện Kiều và

PHÊ BÌNH NÀNG KIỀU THẾ NÀO?

SONG-CỐI

CỨ như cụ Cử Nguyễn Kỳ-Nam, người làng Nam-dư, huyện Thanh-trì, Hà-đông, đã viết trong một bài tựa bằng chữ hán ở tập vịnh Kiều hồi năm ất-tị (1905) thì ra từ trước đã có một nhà danh-sĩ nào đó chia cuốn *Kim Vân Kiều truyện* làm 20 hồi. Rồi mỗi một hồi lại nêu hai câu đối nhau làm đầu đề như lối các tiểu-thuyết tàu xưa thường đặt hai câu biền ngẫu dưới mỗi hồi một.

Sau lại lần theo từng hồi một, nhà văn khuyết danh ấy còn viết mấy lời tóm tắt để nêu đại ý trong hồi và tỏ ý phê-bình vai chính trong truyện.

Cách chia hồi ấy đã làm căn-cứ cho tập vịnh Kiều của vua Minh-mạng (1820-1840) và những bài tập Kiều của cụ Hà-Tôn-Quyền hồi năm 1830. (Một kỳ sau, Tri-Tân sẽ đăng bài viết về vấn-đề này, vì kỳ này chật chỗ nên phải hoãn lại).

Mà đến 1905, nhóm cụ Chu Mạnh-Trinh vịnh Kiều cũng lần theo 20 hồi đã chia đó.

Nguyên văn tập chia hồi truyện Kiều và phê-bình từng hồi ấy, tác-giả viết bằng chữ nho, tưởng nay nên dịch ra sau đây để giới-thiệu với các bạn đọc cái phương pháp của cổ-nhân phân-tích bản Kiều chữ ra sao và thế văn phê-bình ngày xưa thế nào:

HỒI I

Vô tình, hữu tình? bên mồ ngao ngán viếng Đạm-Tiên.

Hữu duyên, vô duyên? giữa đường thình lình gặp Kim Trọng.

Thúy-Kiều gặp mồ Đạm-Tiên, đã thấy Vương Quan kể chuyện « Đạm-Tiên nàng ấy xưa là ca-nhi », đáng lẽ Kiều phải theo cái khuôn mực thanh-cao của con nhà khuê-tú, nên tỏ ý khinh-bỉ mà không đoái hoài mới phải, cớ sao lại vừa khấn-vái, vừa sut-sùi! Thế thì giọt nước mắt ấy từ đâu mà ra?

Ý chừng nàng Kiều là một gái thông-minh, ngày thường vẫn lặng-lẽ gẫm lời thày tướng đoán rằng « nghìn thu bạc mạnh, một đời tài hoa » mà cho không phải là lời đoán láo, nên thời thường nhìn bóng, nàng luống cảm thương thân mình!

Vì vậy, thoạt gặp nấm-mồ Đạm-Tiên, nàng liền trạnh cảm mối tình đồng-điệu.

Chẳng thế, sao trong tiết Thanh minh, biết bao mồ hoang bia tàn, mà nàng riêng đối với Đạm-Tiên, lại giùng giằng chẳng muốn dời chân như thế?

HỒI II

Mắc xi tưởng, Vương Thúy-Kiều, thơ đoạn trường mơ đề.

Ngó tường đông, Kim Thiên-Lý, giải đồng-tâm định buộc.

Người xưa nói: « Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều ». Song tôi đối với việc Thúy-Kiều thật lấy làm lạ.

Này, nàng đã là người có học thức, biết nghĩa lý, há lại không rõ rằng trên Bộc trong Dâu là đáng thẹn? Nhưng vì chiêm bao đêm trước, nàng những hãi-hùng thương mình « phận mỏng như tờ ». Vả, sinh bình nàng vốn có cặp mắt tinh đời, nên thoạt gặp chàng Kim, nàng liền có ý trao xương gởi thịt. Đó chừng có ý muốn mượn bóng người phúc tướng được hưởng kim đường ngọc mã để ngầm tranh với trời? Nên chi, thoạt tiên, bên đào thoa rơi, học thói gieo thoi gái lẳng; đến sau, vườn xuân then khóa, mong ghì dạ quí người yêu. Chẳng qua nàng muốn lương duyên mau đẹp, sớm tan cái nghiệt đoạn trường!

Nào ngờ trẻ Tạo đành-hanh biết rõ tâm-cơ, vội ngầm đặt máy ác để phá hại! Thế mới biết mưu định của người dầu khôn-khéo đến đâu há hay thắng nổi trời được?

HỒI III

Đôi tình đằm thắm, bắc thử cầu Lam.

Suốt tối vui vầy, vẫn lành ngọc bích.

Một đêm gặp-gỡ, hẹn hò sum họp trăm năm. Nhưng ngoài hoa ngát, đàn hay, hương thêm, rượu rót, tuyệt không có ý lần-khân sờm sỡ chi chi. Nàng Kiều thật xứng đáng như thơ Quan thư: « Vui mà không dâm ».

Nay đọc bài văn thề thốt của nàng, có thể nói rằng: tấc lòng vằng vặc giãi nghìn thu! Tài thế, nết thế, vậy mà rút cực không gặp: tiếc thay!

HỒI IV

Nặng lòng hiếu, phải liều mình,
nỡ để giống-dòng chim đắm ?

Dứt tơ duyên, còn nhớ hẹn,
đành nhờ em gái chắp vào ..

Người ta thấy xưa nay giai-nhân tài-tử như Hạnh-Nguyên với Mai Lương-Ngọc, Hồng-Ngọc với Tô Hữu-Bạch, nửa chừng lụy trắc-trở nhân-duyên, trăm đường nghìn nỗi, nhưng cuối-cùng vẫn được sum-vầy, phu vinh ph qui, thì chẳng ai không vì Thúy-Kiều mà than ngắn, hận dài ! Nào có biết ở đời, mặc dầu có tài, có sắc, vẫn không bằng có phúc-trạch dồi-dào. Hai nàng kia có phúc-trạch, nên được hưởng ; còn Thúy-Kiều mệnh bạc, nên không được hưởng. Liêu-Trai có nói : « Nhờ phúc-trạch để làm hả giận cho văn-chương », phải lắm !

Dẫu vậy, hai nàng kia chỉ là chuyện thú một lúc thôi ; còn Thúy-Kiều một niềm hiếu thảo, muôn thủa danh thơm, đáng kính, đáng mến. Hạng người vinh qui tầm-thường há dễ sánh kịp ? Vậy còn ân-hận nỗi gì !

HỒI V

Cam lòng chịu, cơn bối rối quyết liều tử sinh.

Dứt không ra, suốt gia-đình khóc đứt gan ruột.

Trong vòng bối-rối, bắc cân « hiếu » với « tình », trước sau nàng vẫn không lỗi đạo chính. Có thể nói : Thúy-Kiều là cô gái hiền. Xưa nay những kẻ mày râu, gặp khi biến, nếu cũng biết quyền, thì đâu có kẻ nghìn thu còn để vết nhơ trên sử sách ?

Này, thà chịu liều bỏ một thân mình để cho gia-đình cốt nhục được tuyền vẹn, hưởng phúc dày vô cùng ở tương-lai Như thế mới gọi là « trăm con trai không bằng một lỗ tai con gái ».

Than ôi, cõi đời vàng đỏ lòng đen, biết bao dân lành bị hãm hại, há phải riêng một nàng Kiều ? há phải chỉ một nhà Vương viên-ngoại ? Giá-thử bấy giờ có Bao-công làm cha mẹ dân thì đâu đến nỗi nàng phải cam lòng bỏ lời thề tử sinh, từ-giã nhà mà khóc đứt ruột !

HỒI VI

Liều mình vì hiếu, nàng Kiều còn bận chu-toàn.

Không nhọc được vàng, chàng Mã tha hồ vung-phí.

Thúy-Kiều được thỏa chí và nhà Vương được yên lành, là bởi một tấm lòng nhân của Chung-công. Vậy, không có cái cay-độc của cửa nha sói cọp thì không tỏ được lòng nhân của Chung-công ; không có lòng nhân của Chung-công thì không nên trọn được niềm hiếu-thảo của Thúy-Kiều. Nhưng, ngày kia, Chung-công thì cửa nhà rực-rỡ, mà Thúy-Kiều thì trôi dạt nửa đời, là cớ làm sao ? Tôi cho rằng Trời đem cuộc vinh-hiển một lúc để đền cái đức nhân của Chung-công, nhưng lấy cái danh-tiết nghìn thu để bù cho nết thảo của Vương-thị : Thế là Tạo-hóa cân-nhắc, đằng nhẹ, đằng nặng vẫn chẳng sai đâu.

HỒI VII

Ngượng nghịu gì mẹ cha, dặn lại chắp em duyên chị.
Dạn dày gặp quân bợm, buổi đầu lỡ bước sa chân !

Gớm thật, cái ma-nghiệt của Thúy-Kiều nặng biết chừng nào ! Vì cha phải bán mình, đã là một sự bất hạnh ! Giá thử gặp được hạng chồng hào nhã thì suốt đời ôm chăn gối làm lẽ mọn cũng còn đành lòng. Lại nếu không may gặp phải hạng chồng công tử du đãng, cũng còn có thể qua lần thì thôi. Đằng này không thế, lại gặp phải bợm già trong làng chơi : sao mà đến nông nỗi ấy ! (Đoạn này trong bản chữ hán viết tay có nhiều chữ lầm, nên tôi chỉ thoát dịch lấy đại-ý, xin chất-chính cùng các bậc cao-minh).

Phải ca chương thơ « gặp kẻ

Đã xuất bản :

LỄ MỆNH-TIẾU

của ông BỬU-CẦN

tác-giả sách Hán-việt Thành-ngữ

« Lễ Mệnh-Tiếu là lễ làm khi con trai đi đón vợ, khi con gái về nhà chồng, cha mẹ khuyên con biết thương nhau, kính nhau để mong cùng nhau hưởng gia-đình hạnh phúc ». TRÀNG-AN BÁO

« Sách in rất mỹ thuật, vì sách ấy là hạng sách để cha mẹ cho con ; anh, chị biếu em ; bạn bè tặng nhau ; trước ngày lễ hỏi, lễ cưới ». ƯNG-BÌNH, Thúc-gia-thị

« Tác-giả sách này đã muốn giúp bạn thanh niên biết gây nên những gia đình trăm năm đầm ấm, vậy thì sách này chẳng là một món quà rất qui-giá hay sao » ? HÁN-THU, Nguyễn-tiến-Lãng

Hạng đẹp 2p.00
Hạng tuyệt đẹp 12p.00
Lãnh-hóa giao ngân, thêm cước phí 0p.60
Hỏi tại M. Bửu Cần, Professeur Lycée Khải Định, - Huế và các Hiệu sách lớn.

điên dại xấu xa », đau đớn biết chừng nào!

HỒI VIII

Gái hiếu cam lòng với lưỡi dao trắng.
Mụ dầu bày chước lừa khách má hồng.

Tiết liệt của Thúy-Kiều chính bị Đạm-Tiên làm hỏng. Sao vậy? Nàng với chàng Kim đã nặng lời thề thốt, chẳng may gặp phải cảnh nhà ngang ngửa, thì chỉ l ều một chết để tạ tri âm. Ma tình ở đâu bỗng đến nốn lưỡi dỗ dành, xui nàng sống lại! Thế là Đạm-Tiên làm lỡ Thúy-Kiều, mà Thúy-Kiều cũng tự lầm mình vì tin lời mộng! Rồi giây tình buộc lụy, dứt mãi không ra!

Bằng chẳng, chí nàng đã quyết, dù ai có chiếc lưỡi Tô Tần, Trương Nghi, chuyền nàng sao được?

Có người nói: « Cái đó hầu như có Trời, chứ không phải Đạm-Tiên chăng lưới để bẫy nàng được ». Nói vậy cũng phải.

HỒI IX

Tưởng khách tình « hào », Thúy Kiều thua lừa, mắc lận.
Chôn ai mệnh bạc, Sở-Khanh lừa của, gạt người.

Thúy Kiều đã cao thiên-tài, lại tinh con mắt. Trước biết Kim Trọng: sao mà sáng thế! Nay lầm Sở-khanh: sao mà mờ vậy? Đại để người ta khi bình tĩnh thì mới sáng suốt. Kiều lúc bấy giờ lòng rối như tơ vò, sao khỏi lầm được?

Này, cùng đường chật đất, mới xoay đến chước ấy, vẫn đành là kém rồi; nhưng nước đã đến chân, vì có thể cất cánh bay khỏi lồng được thì đã là quá may, chứ lại còn rồi đâu do-dắn trước sau nữa?

Than ôi, trong xóm Bình khang vẫn là cái tổ bợm già; trừ có một chết, còn ngoài ra đâu dễ không sa cạm bẫy của chúng?

HỒI X

Mặt mo, chàng Sở vác vào.
Lòng vỡ, mụ Tú dạy ngón...

Từ khi lầu Bích khóa xuân, mụ Tú làm lành với Thúy-Kiều, ngon ngọt dỗ dành không biết bao lượt... Nhưng nàng trong sạch giữ mình, không chịu xuôi lòng theo mụ. Mụ ngày đêm mưu tính, đành không thể không xoay chước, đổi chiều.

Huống chi trèo tường đi trốn, nàng đã lý đuối, lời cùng; mụ có thể lấy nê thế mà quay nàng được. Mụ không thẳng tay làm cho nàng biết « phép nhà » thì « cây tiền » biết bao giờ mọc?

Chao ôi! Thúy-Kiều vội muốn gỡ ra khỏi bẫy, chẳng dè lại sập vào bẫy như chơi! Trẻ Tạo buộc người, dễ đâu tránh khỏi?

HỒI XI

Trách Trời già: lầu xanh, hận ngập!
Xót phận trẻ: nhà vàng, ngọc treo!

Kẻ tài-sắc Thúy-Kiều đáng được trao tơ phải lứa gieo cầu xứng nơi; vậy mà sao lại phải lận-lận trong vòng yên hoa đằng đẵng đến thế. Mãi khi chàng Thúc gặp nàng, mới gỡ cho ra khỏi lồng cầm buộc. Có người bảo Trời cố ý lưu nàng lại để cho mắc tay độc ác của sư-tử. Đó cũng là một thuyết. Còn tôi, tôi cho rằng ở đời con gái có thiên-tài quốc sắc đến đâu cũng mặc-hễ đã sa vào Bình-khang thì liền bị người đời ghét bỏ khinh rẻ. Khách tài-tình trong thiên-hạ dẫu không hiếm, nhưng chỉ có thể đem nghìn vàng mua một nụ cười, chứ ai đâu muốn kết mối đồng tâm với hoa đường liễu ngõ! Xem ả Hoa-khôi, khi xế bóng, phải kết duyên với anh hàng dầu, Tì-bà phụ, lúc về già phải làm vợ chú lái buôn, thì nàng Kiều không gặp cũng, là vì thế.

Này, đối với những kẻ cục mịch loàng-xoàng, đã khó chịu đựng; còn như hạng khách tài hóa tuấn-nhã thì lại hững-hờ.

Muộn-màng mới gặp Kỳ tâm
Dè đâu « chàng Thúc ra người bó tay! »

HỒI XII

Vệ Hoa-dương khéo xoay ả Mã.
Thúc Kỳ-tâm mừng gặp nàng Vương.

Thúc Kỳ-Tâm lấy được Thúy-Kiều phải giở biết bao mưu-mẹo: sao mà khôn thế! Đến sau, « thấp cơ thua trí đàn bà »: sao mà dốt thế? Há chẳng phải vì ai có đức thì mới được nhiều người trí giúp mưu; còn Thúc-Sinh chỉ là một anh đồ ngốc chẳng có gì lạ ngoài ngón giàu có ăn chơi. Đó cũng là cái không may cho nàng Kiều!

Thúy-Kiều lấy được Thúc-Sinh khác nào khách lên Bồng-đảo; nhưng nửa năm sau, lại như « chim xanh mắc phải lưới hồng »! Xem mấy lời nàng nói với Thúc-Sinh, tỏ ra đo trước tính sau, không phải không có trí khôn biết trước. Thế mà lại sa lửa nồng, há chẳng phải nghiệt chướng kiếp xưa? Vậy thì Thúc-ông kiện trước, ấy là thuyền từ của Thúy-Kiều; nhưng quan phủ vo tròn, lại là đẩy nàng vào trong biển khổ. Lạ thay!

Còn nữa
SO G-CỘI

XUÂN ất-tị, 1905

Cảnh vật tháng giêng đang nồng-nàn khêu hứng nhà văn trong khi hãy còn phảng-phất hương thủy-tiên và rạc-rực tưng-bừng trước dịp đàn gió đông mơn-trớn lộc đào non mởn.

Bấy giờ ông Lê-Hoan đang ngồi tổng đốc Hưng-yên. Ông có cái cao hứng làm như những tay hào-hoạn bên Tàu, nên muốn triêu-tập mấy nhà danh-sĩ đương-thời làm một cuộc chơi văn để thưởng xuân.

Roi châu, chén rượu...

Một trong những người được chứng kiến buổi thịnh-hội bấy giờ, ấy là cụ cử Dương Bá Trạc.

Chính cụ Cử Dương (1) đã kể cho tôi nghe một vài mẩu chuyện về cuộc chơi văn ấy.

Bấy giờ cụ Yên-đồ Nguyễn Khuyến và cụ Vân-đình Dương-Khuê (2) đã về hưu cả. Ông Lê-Hoan mời các cụ xuống chơi, bày ra cuộc vịnh Kiều để lưu khách.

Dự hội, có các cụ Chu Mạnh-Trinh, tiến-sĩ; Nguyễn Tấn-Cảnh, tri-huyện Vân lâm; Nguyễn Chí Đạo, tri-phủ Khoái-châu; Phan Thạch Sở, (3) tú-tài; Chu Thập Hi (4), cử-nhân và Nguyễn Kỳ-Nam (4) cử-nhân, v.v. Chú-nhân, ông Lê-Hoan, đã bỏ ra hàng nghìn bạc để cung các nhà văn bấy giờ mua vui, gửi hứng.

Tiếng chầu xen tiếng «phỗng» nỏ-nang, khói thuốc lồng hơi men chênh choáng, các nhà văn ấy đoi phen đã ngây-ngất mơ-màng trong giấc xuân mê ly nồng-nàn...

Rồi kết-quả: Sau khi hai ngòi bút Yên-đồ và Vân đình đã điểm duyệt, được 7, 8 quyển trúng cách, dưới cái đầu-đề vịnh Kiều lần theo 20 hồi của một danh sĩ đã chia trước. Tựu-trung quyển của cụ Chu Mạnh Trinh (5) được quán quân về thơ nôm; quyển của cụ Chu Thập-Hi được nhất về thơ chữ hán. Còn những quyển của các cụ Nguyễn-tấn Cảnh, Nguyễn kỳ-Nam, Phan thạch-Sơ, Tú Trà (6), Hoàng Đức Lập (7), Phan Mạnh-Danh (8) vân vân đều đứng vào hàng nhì trở xuống cả.

Mỗi quyển dự thi ấy có một bài tựa bằng chữ hán, có thơ chữ nho và thơ nôm vịnh Kiều suốt 20 hồi.

...đã đề được tập vịnh Kiều

Cuốn vịnh Kiều mà bạn Bạch-Diệu, biên tập báo Tin Mới, cho tôi mượn để dùng tài-liệu đây lại là một tập người sau nhặt lượm nhiều bài của nhiều nhà mà chép họp lại, làm như một tập hợp-thai.

Vậy xin giới-thiệu với các bạn thân yêu ít thơ nôm mà tôi đã phiên âm theo bản sao-lục của Bạch-Diệu:

HỒI THỨ HAI

Hết nghĩ gần thôi lại nghĩ xa...
Hiu hiu ánh sách ngọn đèn tà.
Gương loan phảng-phất hồn cung quế.
Giấc bướm mơ màng khách chương sa.
Mười vận sầu tuôn đôi giọt ngọc;
Trăm năm duyên bén một cành hoa.
Mái tây bỗ lúc chờ giăng dựng,
Rày đã vườn xuân rõ mặt hoa.

CHU MẠNH-TRINH

Giấc bướm còn mê nỗi đoạn tràng!
Ruột tằm ai vấn sợi tơ vương

xem tiếp trang 16

ÁN CÁC NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN KIỀU

Yên Đỗ NGUYỄN-KHUYẾN

CỤ Yên-đỗ 1835-1909 hiệu Quế-sơn, trước tên là Nguyễn-Văn-Thắng, sau đổi là Khuyến, người làng Yên đỗ, phủ Bình-lục, tỉnh Hà-nam, ba lần đỗ đầu trong các kỳ thi Hương, Hội và Đình, nên gọi là tam-nguyên, tức là giải-nguyên, hội-nguyên và đình-nguyên.

Sau khi đậu Nhị-giáp Tiến-sĩ, cụ làm đến chức Sơn Hưng Tuyên Tổng-đốc và có lớp ngồi ghế tham-hiệp tỉnh Thanh.

Năm Ất-tị, 1905, cùng với cụ Vân-đình đóng vai điểm duyệt những tập văn thơ vịnh Kiều, một cuộc chơi văn do ông Lê-Hoan tổ-chức.

Chúng tôi đã được đọc mấy câu lục bát của cụ Yên-đồ phê ở bên mai câu thơ của cụ Chu-Mạnh-Trinh khi cụ Chu viết «Làng *nho* người cũng coi ra vẻ, bợm *sỏ* ai ngờ mắc phải tay!»:

Rằng hay thời thật là hay,
Nho *đối với sỏ lão này không ưa!*

Khi lấy nhất tập thơ nôm vịnh Kiều của cụ Chu Mạnh-Trinh rồi, cụ Yên-đồ cao hứng, lại làm thêm một tập án các nhân vật trong truyện Kiều, gọi là *Kim Vân Kiều truyện án.*

Mở đầu bằng một bài dẫn viết Hán-văn, rồi tác-giả, Nguyễn-văn-Thắng tức Nguyễn-Khuyến, lần lượt xét mấy cái án này:

1 — Thúy-Kiều án;
2 — Thúy-Vân án;
3 — Kim-Trọng án;
4 — Đạm-Tiên án;
5 — Thúc-Sinh án;
6 — Từ-Hải án;
7 — Hoạn-Thư án;
8 — Vương viên-ngoại án;
9 — Đề-lại Chung-công án;
10 — Vương-Quan án;
11 — Thúc-ông án;
12 — Tề tri-phủ án;
13 — Thằng bán tơ án;
14 — Mã Giám-sinh, Tú-bà án
15 — Sở-khanh án;
16 — Hoạn phu nhân án;
17 — Hoạn quản-gia án;
18 — Giác-Duyên án;
19 — Bạc-bà, Bạc-hạnh án;
20 — Lão lại Đô-lại-đắc án;
21 — Hồ tôn-Hiến án.

Những văn án trên đây, cụ Yên-đồ viết bằng nôm theo một thể văn biền ngẫu cả. Cứ cuối mỗi bản án, cụ lại có mấy câu hoặc kết tội hoặc khen công, chẳng hạn:

Án Từ-Hải:

Thôi hãy sung tạm quản lấy âm-bình,
Rồi sẽ nghĩ tâu cho làm thống tướng.

Tiếc rằng giấy mực trên báo có hạn, nên chúng tôi hãy thử phiên âm hai án sau này từ nôm ra quốc-ngữ để giới thiệu với bạn đọc một thể văn đối nhau của cụ Yên-đồ.

H. B. cẩn chí.

Án Thúy Kiều

Hiếu tình có một, tài sắc gồm hai,
Hoa ghen thắm, liễu hờn xanh,
Ngọc trắng gương trong nền quốc sắc;
Cá nghe vần, chim đắm khúc, non cao nước chảy bực cung thương.
Giá thuyền quyên đã đang chưa nhà vàng,
Vẻ tài nữ cũng nên trao thước ngọc.
Tranh thủy mạc bốn câu ba vận
Khách chung tình nở dạ nức nhời khen;
Thơ đoạn trường một vẫy mười bài,
bạn tri kỷ giật mình nhường giải nhất.
Kiếp má phấn tới khi rơi mạnh bạc,
Mảnh lòng son không chút thẹn vầng hồng.
Bỏ thịt xương thề giả đức sinh thành,
nhắm mắt đưa chân theo lối Tạo;
Qua dâu bể dám ăn nhời ước hẹn,
trao tơ chắp mối cậy tay em.
Phận bèo mây sá quản áng phong trần,
Vùng giăng gió chẳng phai lòng sắt đá.
Nhời thần mộng ngẫm sô bồ chửa hết, cối Lâm-chi đành ngọc nát vàng tan;
Nỗi thư hương vì dan-díu đã lâu, miền Vô-tích chịu da chì, tóc rối.
khi tra hỏi xiết bao tủi nhục,
Điều thân cung động tấm từ bi,
Gác Quan-âm giải bóng nói sầu riêng, dành duyên phận, xin mở đường bay chạy;
Điểm tà nguyệt bằng mình pha lối qua, mặc bể đào vì gớm chước hiểm sâu.
Cùng đồ mang nặng nghĩa với thầy già.
Túng đất phải chiều lòng cùng đĩ cụu.
Trải hai lượt thẹn thùng, điều hoa nguyệt, buồn đi ban lại: thiếu chi nơi.
Trong năm năm nhờ mượn sức anh hùng, oán giả ơn đền: dành các tích.
Khuyên quy thuận, tưởng vinh quí được như nhời, đâu biết ngày sau đeo tiếng bạc.
Cưỡng ép duyên, chẳng hoàng quan cho toại chí, vậy đem thân ấy bỏ sông Tiền.
Hội đoạn tràng mong thực hẹn tương tri.
Thuyền bát nhã may nhờ tay cứu khổ.
Sum họp một nhà như trước, ơn chàng Kim cho lấy hiếu làm trinh.
Vẻ vang giờ hai họ hơn xưa, xót phận bạc dám soi hoa với đuốc.
Xét sau trước đủ nhân trinh hiếu nghĩa Thương sau này lầm tuyết nguyệt phong hoa.
Tình tòng xuất, sự thuộc vô cao, cấp truyền hội chủ rút tên ra hết nghiệt trước, trăm năm hậu phúc Công kỷ cao, lý ưng gia thưởng, hợp sức Nguyệt ông se chỉ lại, để thân sau tứ phẩm phu nhân.

Án Thúy Vân

Tuyết nhường màu da,
Mây thua nước tóc,
Sắc chẳng kém mười phân trọn vẹn
Duyên lại thêm một cách phong lưu.
Nặng vì cha, chịu đựng lấy nhời, đền tơ tóc ngập ngừng đường biết nghĩ,
Thương đến chị, thề bồi cùng nước non, hiền vinh gặp lỡ há rằng may?
Nết đoan trang xem phải bực nữ trung,
Khuôn dầy dặn đủ vào đồ tưởng pháp,
Xét đến thuở phụ tù, tỉ mại, cơn không thông dam hẹn hò như the, dường vô tâm, coi thấy cũng nên đòn,
Xem ở khi phu quí, phụ vinh, nhẽ kinh quyền kheo cân nhắc mấy điều, đương xử kỷ khen cho là đang thuởng.
Công tội bình phân, án đoạn tràng miền nghị.
Nết na phải thói, ngôi mạnh phụ gia vinh.

Yên đỗ NGUYỄN-KHUYẾN

KHẤP TỐ-NHƯ

HỘI-THỐNG VŨ VĂN-LỢI

Về hai câu thơ « Bất tri tam bách dư niên hậu, thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như », nhiều nhà luận-giả trước giờ, vì muốn biết rõ sự-thực, đã tốn nhiều công tìm-tòi kê-cứu.

Viết bài « Bàn thêm về lai-lịch sách Kim Vân Kiều » đăng trên Tri-Tân số 6, bạn Đào Duy-Anh có chua rằng « Tôi vừa được xem Thanh-hiên thi-tập của Nguyễn-Du thì mới biết rằng hai câu ấy không phải là khẩu chiếm, mà là hai câu trong bài thơ làm sau khi đọc chuyện Tiểu-Thanh là một người con gái cũng ở đời Minh như Thúy-Kiều, giỏi thi-tư, rành âm-luật, nhưng phải lấy lẽ, vì vợ cả quá ghen mà phải ở riêng, người ta xui đi lấy chồng khác không chịu, buồn rầu oán-hận sinh bệnh mà chết ».

Thế là nhờ công khảo-cứu của Đào-quân, một nghi điểm về văn học ấy hầu như đã được gỡ xong. Nhưng trong bài « Nỗi lòng Tố-Như dưới triều Gia-long », bạn Kiều Thanh-Quế lại chua thêm : « Đành rằng hai câu ấy có trong Thanh-hiên thi-tập. Nhưng biết đâu trước giờ lâm-chung, Tố-Như chẳng ngâm lại để than-thở nỗi lòng... » (T. T. số 50).

Như vậy hai câu thơ ấy của Tố-Như hãy còn được nhiều nhà học-giả dùng làm đối-tượng để nghiên-cứu.

Bài dưới đây của bạn Hội-Thống Vũ Văn-Lợi viết từ trước khi Đào-quân công-bố lời « chú thêm » đề ngày 28-6-41 như trên đã nhắc lại.

Nay nhân gặp ngày kỷ-niệm Tố-Như, Tri Tân xin lục đăng bài « Khấp Tố-Như » này của Vũ-quân, vừa để tỏ ý bằng điều người thiên-cổ, vừa để bạn đọc biết rằng bấy lâu học-giới xứ ta vẫn quan-tâm đến hai câu thơ của Tố-Như là thế đấy. *T. T.*

TRƯỚC đây, nhân bàn về « Lai-lịch sách Kiều », ông Đào-Duy-Anh có nói một cách quả-quyết : « *Khi viết xong sách Đoạn-trường tân-thanh,* Nguyễn Du có một câu khẩu-chiếm rằng : « Bất tri tam bách dư niên hậu, Thiên-hạ hà nhân khấp Tố-Như ? » (Bạn Đường, số 3, ngày 16-3-41).

Tôi rất lấy làm phân-vân, vì ngày trước xem quyển « Truyện cụ Nguyễn-Du » của ông Lê-Thước và ông Phó-bảng Phan-Sĩ-Bàng, tôi thấy nói rằng : « ... *Lúc ngài* (Nguyễn-Du) *mất* có câu khẩu chiếm như thế này: Bất tri... v.v.» Ông Bùi-Kỷ, trong « Bài bia kỷ-niệm Tiên-Điền Nguyễn tiên-sinh » ở hội-quán hội Khai trí Tiến đức, viết : « Tiên-sinh *lúc lâm chung* có khẩu-chiếm một câu rằng : *Bất tri...*v.v.». Ông Trần Trọng-Kim, trong bài tựa quyển «Truyện Thúy-Kiều» cũng viết : « . . . *Khi tiên sinh sắp mất* có khẩu-chiếm hai câu rằng : « *Bất tri...* »

Nhưng trong sách « Đại-Nam chính biên liệt truyện » lại chép rằng : Tiên-sinh... khi bệnh nặng, không chịu uống thuốc ;... khi sắp chết cũng không «giối giằng điều gì về sau cả ».

Vậy thuyết nào đúng với sự thực hơn ? Rất mong các bậc bác-nhã quân tử trong nước tỏ bày ý-kiến, cho rộng đường dư-luận.

Riêng phần tôi, hồi tháng Mai 1937, có dịp về thăm làng Tiên-điền, và khi hầu chuyện ông nghè Nguyễn-Mai, có được nghe rằng : « *Lúc lâm chung,* cụ Nguyễn-Du có khẩu chiếm một bài bát cú, nhưng thất lạc mất hai câu đầu, chỉ còn truyền-tụng có sáu câu :

... Chi phấn hữu thần liên tử hậu,
Văn chương vô mệnh lụy phần dư.
Cổ kim dật sử thiên nan vấn,
Phong vận kỳ oan ngã tự cư !
Khả liên tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như ?

Thiền nghĩ Tố-Như khi soạn sách « Đoạn-trường tân-thanh » đã dụng ý mượn chuyện người tài-nữ đời nhà Minh để tả tâm sự

Nhà in
TRI-TÂN
Nhận in đủ các việc
70, Bach-mai—Hanoi zône

riêng của mình, lời văn nhiều chỗ lâm-li, cảm-khái, như khóc, như than, tất cũng mong rằng hậu-thế sẽ có người tri-kỷ vì mình mà than khóc : tài hoa là thế, mà gặp những nỗi đoạn-trường là thế ! Mấy nghìn câu lục bát thiết-tưởng cũng đã đủ tả rõ những trạng-thái của tâm-hồn tác-giả, những việc khảm kha bất-bình, những nỗi đau-đớn lòng vì *«những điều trông thấy»* và những ức-nguyện thầm kín, mỗi khi sóng lòng dào dạt, mà chỉ *« một mình, mình biết, một mình mình hay »*.

Khi viết xong, Tố-Như chắc cũng lấy làm mãn-nguyện, vì cái gánh nặng, hay nói cho văn-vẻ hơn cái khối tình mang trong bấy nhiêu lâu, nay đã trút được rồi. Bao nhiêu nỗi niềm tâm-sự, *«nỗi lòng kín chẳng ai hay »* từ xưa chỉ có vầng trăng bạc soi tỏ, nay đã phô vào khúc đàn tuyệt-diệu, thì há tất Tố-Như lại còn khẩu-chiếm câu « *Bất tri...* » nữa ?

Kịp đến *lúc lâm chung*, tiên-sinh nghĩ lại cuộc đời dâu bể, thương cho mình bao nhiêu, lại thương cho những khách đoạn-trường sau này bấy-nhiêu ! Thương mình sắp *«chôn chặt văn chương ba thước đất »*, lại lo người đời sau biết còn ai là bạn tri-kỷ sẽ khóc mình ! Nếu không ai tri-kỷ chẳng hóa ra uổng công soạn tập «Đoạn trường» lắm ru ? Nên tiên-sinh mới khẩu-chiếm một bài bát cú (?) mà hai câu kết được truyền-tụng nhất :

«Khả liên tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?(1

Nhưng Tố-Như đã quá lo xa. Tiên-sinh đã *« dư nước mắt khóc người đời xưa »* — nhưng chính thực là khóc vì mình — thì người đời sau cũng sẽ vì tiên sinh mà khóc. Nếu tập «Đoạn trường tân thanh » quả là *« một tấm gương thiên-cổ để phản chiếu cái tâm-sự của hết thảy những kẻ đoạn-trường ở đời này »*, thì phàm những ai là khách đoạn-trường đều có thể coi như là người cùng hội, cùng thuyền với Tố-Như tiên sinh. Cùng lâm vào cảnh đoạn-trường, sao lại không biết thương nhau? Đã thương nhau, thì *« sẵn mối thương tâm »* tất phải *«đầm đầm châu sa »*, khóc mình, rồi lại khóc người thiên-cổ.

Tuy thời gian và không-gian cách biệt, nhưng một tấm-lòng tưởng nhớ đến Tố-Như, mấy giọt nước mắt châu-thành khóc khách đoạn-trường vì đã «tài tình» lắm nên phải đeo cái lụy muôn đời, tưởng cũng khả-dĩ an-ủi được hương-hồn tiên sinh nơi chín suối.

Hội-Thống VŨ VĂN-LỢI

1) Các tác-giả đều chép « Bất tri tam bách v...v..

Nhưng ông nghè Nguyễn Mai thì lại đọc cho tôi nghe : *Khả liên tam bách dư niên hậu...* » « Theo ngụ ý, thì có lẽ Tố-Như tiên-sinh đã dùng hai chữ «khả liên ». Vì sao ? Vì tiên-sinh vốn người đa sầu đa cảm đời tình cảm dồi dào hơn đời tri-thức. Ngôn-ngữ phải hợp với tính-tình : nóng-nảy tất hay dùng những câu thu-lỗ ; trầm mặc thì hay dùng những câu sâu-xa... Tố-Như tiên-sinh lúc lâm chung, lòng thương nhân-loại bồng-bột, thương cho mình, thương cho đời nên có lẽ đã dùng hai chữ « *khả liên...*»

Thương Thúy Kiều

(*Hát nói*)

Kiếp sau em có làm người,
Đừng mang lấy sắc lấy tài vào thân.
Mười lăm năm bấy nhiêu lần,
Làm gương cho khách hồng quần thử soi.
Bạch thỏ tần tần thôi bạch phát,
Hồng quân cảnh cảnh oán hồng quần.
Thương Thúy Kiều một kiếp đa truân,
Sông Tiền phải liều thân cùng nước bạc.
Ngọc diện khởi ưng mai thủy quốc,
Băng tâm tự khả đối Kim lang.
Vì cha mà lưu lạc tha hương.
Duyên thề thốt hóa phụ chàng Kim Trọng.
Má phấn thương thay mình phận mỏng,
Bước giang hồ bèo sóng lênh đênh.
Cậy em Vân thay giả nợ chung tình,
Liều phận chị phải đem mình báo hiếu.
Vạn trận cuồng phong dao lục liễu,
Mười lăm năm trăng thiếu hoa tàn.
Còn chi nữa cái hồng-nhan !

TRÚC-KHÊ

Sách mới

Tri-Tân đã nhận được :

1·) *Nhạt-tình*, một truyện rất thê thảm của Mạnh phú Tư. Sách in đẹp, dày 214 trang, giá 1 p. 00

2·) *Người Rừng*, Hoa Mai số 19 của Ngô-Hòa, giá 0 p. 10

3·) *Vòng quanh thế-giới*, Hoa Mai số 20 của Như-Phong, giá 0 p. 10

Ba quyển này đều do Cộng-Lực xuất bản.

4·) *Lược-khảo về mỹ thuật Việt-Nam* của Từ-Lâm Nguyễn xuân-Nghị do Quốc-Học Thư-Xã xuất-bản. Sách in đẹp, dày 200 trang, giá 1 p. 50

Xin cảm ơn các tác-giả, các nhà tặng sách và giới thiệu cùng bạn đọc

Bản chí cần mua lại Tri-Tân số 4, 5, 10, 11, 18, 19, 21, 22 23 24, 25, 30, 33. Ai có xin gửi về cho, bản chí gửi trả theo giá tiền đề ngoài bìa.

ROI CHẦU CHÉN RƯỢU

Tiếp theo trang 13

Bút đâu sẵn để theo nhời gấm,
Thoa bỗng đem sang đổi xuyến vàng ;
Quả kiếp chắc chi nhời mộng triệu,
Tính tình thôi cũng nết văn chương
Chưa xong đều nghĩ thêm mùi nhớ,
Tài sắc, tài danh cũng một làng.

NGUYỄN KỲ-NAM

HỒI THỨ BA

Dan díu vì ai luống ngẩn ngơ ?
Để ai gió đón lại giăng chờ !
Sông Ngân chưa bắc cầu ô-thước,
Phận liễu còn e trận gió mưa ;
Lựa mối tơ tình năm ngón dạo,
Dẹp lò lửa dục một nhời thưa.
Đuốc hoa muốn vẹn miền băng tuyết,
Nũng nịu ngoài ra mặc sớm trưa.

CHU MẠNH-TRINH

Lầu hồng vắng - vẻ thủa đêm thanh,
Ngẫm nỗi người, thêm ngán nỗi mình !
Chướng dủ vẫn còn mơ giấc điệp,
Thoi đưa đâu đã giục tin oanh.
Dễ đâu phận bạc quay lò tạo ?
Khéo giắt thoa vàng chớm chữ tình !
Là nợ, là duyên, nào đã chắc ?
Hãy xin hương lửa hỏi ba sinh.

NGUYỄN TẤN-CẢNH

Nội các bài thơ vịnh Kiều, chỉ có những tác-phẩm của cụ Chu mạnh-Trinh là xuất sắc hơn cả. Lời bay-bướm nhẹ-nhàng, ý mới-mẻ linh-động ; lắm câu đủ cả hình ảnh, màu-sắc và nhạc-điệu. Tiếc rằng trong một số báo này, chúng tôi không thể trưng-dẫn được hết.

Cuộc hội văn do ông Lê-Hoan tổ-chức ấy chỉ là chuyện chơi mua vui một lúc bấy giờ, không ngờ nó đã lưu lại cho chúng ta nay một món quà quí giá như thế ! Tiếc rằng sau cuộc chơi ấy, không ai đứng lên khắc in tập thơ vịnh Kiều, nên sau tam sao thất bản, e không khỏi có chỗ người sau đã vu cổ-nhân !

HOA-BẰNG

1, Xin trân-trọng cảm-tạ cụ Cử Dương đã giúp cho ít tài-liệu sống và bạn Bạch-Diện đã cho mượn tập vịnh Kiều.

2, Người làng Vân - đình, phủ Ứng-hòa, Hà - đông, đỗ tiến-sĩ.

3, Vốn người Tàu, từ đời ông nội đã nhập tịch Việt-Nam, nhà ở Hà-nội.

4, Người làng Đào xá, huyện Kim-động, Hưng-yên.

5, Bài tựa chữ hán trong tập của cụ Chu-Mạnh-Trinh này là do cụ Dương-bá-Trạc thảo trước, rồi cụ Chu sửa lại. Sau ông bạn Đoàn tư-Thuật có dịch ra quốc-văn đăng báo Nam-phong.

6, Người Nam-sang, tỉnh Hà-nam, chính cụ Tú-Trà này có dự một cuộc ngâm Kiều ở hội Khai-trí.

7, Nguyên quán Nghệ-an, sau nhập tịch Hà-nam.

8, Tác-giả cuốn Bút-hoa.

SÁCH CỦA NHẬT - NHAM
Trịnh - như - Tấu :
1 — Hưng yên địa chí Op 80
2 — Bắc giang địa chí 1 50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40
Đều có bán tại Đông Tây thư quán
195 Phố Hàng Bông—Hanoi

Đón coi những kỳ sau :

Tại sao bậc cao-đẳng tiểu-học Pháp không còn nữa ?
của NHÂN-NGHĨA

Phép đổi năm âm-lịch và dương-lịch.
của Giáo-sư HOÀNG XUÂN-HÃN

Bàn về Việt-nam khoa-học ngữ
của Giáo-sư NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

Phê-bình « TÔN THỌ TƯỜNG » của Khuông - Việt
Kiều-Thanh-Quế viết.

« SÔNG BẠCH ĐẰNG » Âm-nhạc của Lưu Hữu Phước, Bài ca của Mai Văn Bô và Nguyễn Thành Nguyên.

« HƯNG ĐẠO VƯƠNG » Kịch bằng thơ của Trần Văn Bích.

Vừa xuất bản
CHỬ' NHO HỌC LẤY
Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn
Giá : 1 p. 00. Cước thường 0 p. 12. Cước đảm bảo Op32
Thư và mandat để cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY
195, phố Hàng Bông — Hanoi
Không gửi lĩnh hóa giao ngân

HÃY ĐỌC
TRONG 99 CHÓP NÚI
(Đinh nhật Thận với Thu dạ lữ hoài ngâm)
Một công trình khảo - cứu rất giá - trị của ông ĐẪU - TIẾP Nguyễn văn - Đề. Tựa của ông PHÓ-XUYÊN Hà-xuân-Tế.
Giá : 1p.00
NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
49 — rue Takou — Hanoi

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 17

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

IX. Chữ l

TRONG quyển *Tầm nguyên từ điển* của ông Lê văn-Hòe, nên chữa chữ *la-điều* ở trang 150 như sau này : *điều* là một thứ cây ký-sinh, ăn bám vào các cây dâu, cây bàng, cây liễu ; tục gọi tóm là tang-ký-sinh ; *la* là một giống thực - vật về loài nấm ; « huân - loại thực-vật », như nữ-la, cũng gọi là tùng la. Kinh Thi có câu : « Đ ều dữ nữ la, thi ư tòng bách », nghĩa là cây điều cùng cây nữ-la, bám vào cây thông, cây trắc. Xưa thường gọi nhầm cây thỏ - ti là cây nữ-la : thỏ-ti thuộc về loài hiển-hoa, nữ-la thuộc về loài ẩn-hoa, hai giống khác xa. *Bản-thảo cương mục* và *Nhĩ-nhã* đã biện-bạch rất rõ. Còn *điều-la* là giống cỏ bò lan ra, «man-thảo», thường sinh năm một, gióng nhỏ mà dài, dây leo vào giống khác, lá hình như cánh chim mà có kẽ, trong cái kẽ có dây như tơ, mùa hạ nở hoa đỏ, đầu hoa hình như quản bút dài, cạnh hoa xanh, có năm kẽ, nơi đình - viện thường giồng làm đồ ngoạn thưởng. Chữ la ở cây nữ-la trong kinh Thi và cây điều-la này khác nhau. Điều-la có một nghĩa nữa, là ví anh em họ hàng nương tựa nhau (chép theo *Từ nguyên*).

Dưới chữ *lá thắ n chỉ hồng* ở trang 150, nên thêm rằng chữ nho gọi «hồng-điệp đề thi» là lá đỏ đề thơ, do hai điển sau này: 1, *Thanh tỏa cao nghị*: «Đời Đường Hi-tôn, Vu-Hựu nhặt được một cái lá ở trong Ngự-câu, trên có đề thơ. Hựu lấy một cái lá khác, cũng đề thơ, thả trên dòng nước Ngự-câu. Cung-nhân là Hàn phu nhân nhặt được. Sau gặp khi vua thả các cung nữ, Hàn-thị gả về Hựu. Lúc làm lễ thành-hôn, hai bên đều lấy lá ở trong tráp mà cùng bảo nhau rằng nên tạ ơn người làm mối. Hàn-thị bấy giờ mới biết lá đỏ ấy là lương môi, nghĩa là mối tốt». — 2. *Vân-hán hữu nghị* : « Trung-thư xá-nhân là Lư-Ốc, năm đi thi, tình - cờ tới Ngự-câu, thấy một cái lá đỏ, trên lá có câu thơ, sai người nhà ngăn lại nhặt lấy, cất vào trong tráp, cũng có khi đưa bạn xem. Sau nhân dịp vua Tuyên-tôn giảm bớt cung-nhân, xuống chiếu cho theo bách quan ti-lại, nhưng không cho người cống-cử được lấy. Lư-Ốc lúc bấy giờ làm quan ở Phạm-dương, nên cũng được người cung - nữ thải ra. Cung-nữ trông thấy lấy làm lạ mà nói rằng : « Lúc bấy giờ tình-cờ viết thả theo dòng nước, không ngờ lang-quân nhặt được cất ở trong tráp, thật lạ ! Câu thơ ấy rằng : « Lưu-thủy hà thái cấp ? Thâm cung tận nhật nhàn ; ân cần tạ hồng-diệp, hảo khứ đáo nhân-gian » nghĩa là nước trôi sao quá gấp ? Chốn thâm cung suốt ngày thong thả. Ân cần tạ lá đỏ, đi về chốn nhân-gian cho tốt đẹp» trích trong *Đường đại tùng thư*, quyển 4, tờ 36a). Quyển *Kim Vân Kiều chú*, bản sao của Bác-cổ, số A B 233, tờ 27a-b, chua như sau này : « Cung - nữ đời Đường là Hàn-Thúy, đề thơ trên lá đỏ... Viết xong thả xuống dòng Ngự-câu. Bấy giờ có người học trò tên là Vu - Hựu nhặt được, bèn đề một bài thơ vào lá khác rằng : «Tằng văn diệp thượng đề hồng oán, diệp thượng đề thi ký dữ thùy ? », Từng nghe có lời oán-hận đề trên lá đỏ; thơ đề trên lá như thế là gửi cho ai ? Cũng thả xuống dòng nước Ngự - câu, trôi vào trong cung, vừa khi Hàn Thúy nhặt được. Sau Vu - Hựu đến làm môn-quán nhà họ Hàn, nhân gặp khi vua thả cung - nữ. Hựu vịnh thơ «tác phạt» là thơ làm mối. Hàn phu-nhân lấy Hựu. Đến khi làm lễ thành - hôn, hai người đều lấy lá đem xem. Hàn lấy làm ngạc - nhiên, nói rằng : «Việc đều có tiền-định». Hựu nói rằng : «Ta nên ngâm thơ tạ bà mối ». Thơ rằng : «Nhất liên giai cú tùy lưu-thủy, thập tải u - tư mãn tố-hoài, kim nhật kết duyên loan phượng hữu, phương - tri hồng-diệp thị lương - môi». Một câu giai - cú theo dòng nước, mười năm tình-tứ đầy lòng, ngày nay kết làm bạn loan phượng, mới biết lá đỏ ấy là lương - môi (mối tốt).

Người Tàu gọi *lạc khoản* là « họ, tên, năm, tháng, hoặc câu thơ, hoặc lời bạt của các nhà thư họa đề trên quyển sách hoặc bức tranh. Từ đời Nguyên về trước các họa-g a phần nhiều không lạc khoản, hoặc viết giấu ở khe đá, sợ viết không tinh có hại đến bức vẽ. Đến Nghê Vân-lâm là người tự pháp tù dật, hoặc cuối bài thơ dùng bài bạt, hoặc cuối bài bạt làm bài thơ. Thẩm Thạch-điền bút pháp sái-lạc, Từ Văn-trường thơ ca kỳ-hoành, thường lấn ngôi vẽ phần nhiều cho là kỳ thú » (*Giới Tử viên họa truyện*). Ta gọi lạc-khoản là tên, họ, chức tước, chỗ ở đề vào các trướng, đối, mừng, phúng, và hoành-phi, câu đối cung tiến các đình chùa. Còn đề ngày tháng, ta thường gọi là niên hiệu, cũng có khi gọi là

thượng khoản. Theo *Từ-nguyên*, khoản có chín nghĩa; nghĩa thứ bảy là khắc chữ. Những chữ khắc trên vàng đá lõm xuống gọi là khoản: «ao giả vi khoản», chứ không phải lồi lên, như ông Lê văn-Hòe dịch nhầm. Lồi lên gọi là chí, chứ không phải thức: «đột giả vi chí». Chữ thức này có hai âm: đọc là thức thì nghĩa là nhận biết, là quen nhau, v. v. Đọc là chí thì nghĩa là văn-chương khắc trong chung đỉnh: dương-văn gọi là khoản, âm-văn gọi là chí; dương-văn là ấn chương khắc lõm xuống, âm văn là ấn chương khắc nổi lên. Những chữ đề ở trên đồ vật sách vở đều gọi là chí.

Từ-nguyên cắt nghĩa *lao lung* là bao quát tất cả: «ngôn bao quát nhất thiết giả» Hoài nam tử có câu «Lao lung thiên địa», nghĩa là bao quát tất cả giời đất. Tiếng Nam ta thường dùng chữ lao lung vào nghĩa giam hãm, kiềm chế.

Lung lạc là lấy quyền thuật mà giá ngự người ta. *Tống sử* chép: «khi Thái Kinh được cầm quyền chính, sĩ đại phu không ai là không bị lung lạc».

Lang tạ là bừa bãi, không được gọn gàng. *Sử ký* có câu; «Bồi bàn lang tạ», nghĩa là chén mâm bừa bãi. *Đàm sử* chép «con lang khi ở, khi nằm, khi đùa bỡn, phần nhiều ở chỗ cỏ bẩn thỉu, cho nên nhà quê gọi là lang tạ». Còn tiếng *lang chạ* của ta thường dùng để nói người đàn bà bất chính, hoặc gia đình nào không đúng luân thường.

Lăng nghĩa là; 1, gò đất lớn, «đại phụ»; — mả các bậc đế-vương (chủng): *Thủy kinh chú* chép: «Tần vị thiên-tử chủng viết sơn, Hán viết lăng, mả thiên tử đời Tần gọi là sơn, đời Hán gọi là lăng; — 3, lên, «thăng»; — 4, xâm-lấn, khinh-nhờn, «mỗi»; — 5, vượt qua, «liệp»; — 6 mài, như mài dao, «lệ»; — 7, nghiêm-khắc, «tuấn».

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

Một áng văn kiệt tác

tiếp theo trang 5

Cuộc vui sực nhớ ngày xưa
Bên hồ lầng đã bao giờ gặp nhau.
Thành quách khác, đời mau biến cải,
Ngán bể dâu thay đổi nhiều nơi!
Tây-sơn công-nghiệp đâu rồi,
Chỉ còn sót lại một người hát xưa,
Trăm năm cũng thoáng qua một nhoáng.
Buồn việc xưa lại láng châu sai!
Mắt trông tưởng-tượng gần xa,
Gặp nhau mà chẳng biết ta với mình,

HOÀI-CHÂN

Lời bình

Bài này tả một con hát về cuối triều Lê rất hay đàn cầm. Khi Lê chưa mất, cụ Nguyễn-Du ở Thăng-long đã từng được nghe chị ta đàn hát. Hai mươi năm sau, Lê mất, Tây-sơn thua, cụ về làm quan triều Nguyễn. Sau ra Thăng-long, nhân quan Tuyên-phủ-sứ đặt tiệc có ca-nhi điểm vui, cụ lại gặp người xưa, bây giờ tóc đã bạc. Hồi tưởng việc xưa, và buồn vì bao sự thay đổi, cụ cảm khái làm ra bài này.

Có người nói bài «*Cầm giả dẫn* phỏng theo bài *Tỳ bà hành*. Tôi quyết không đúng. Bài *Cầm giả dẫn* khác hẳn bài *Tỳ bà hành*, mà có phần lại đặc-sắc hơn.

Bài *Tỳ bà hành* tả thân thế một người con gái lưu lạc giang hồ và Bạch-lạc thiên cốt mượn cảnh ngộ người tỳ bà phụ để than thở nỗi mình phải xa kinh khuyết, bị đau yếu nằm ở tràng Tầm dương. Cử chỉ người tỳ bà phụ cũng không được tự nhiên: lúc đầu gọi đến trăm nghìn lần mới ra, khi ra còn lấy quạt che mặt, sau dạo sau mấy bản đàn, đột nhiên đặt đàn đứng dậy, không ai tra-khảo, bỗng dưng đưa lai lịch mình kể ra hết không chút e thẹn; thật đang buồn cười.

Bài *Cầm giả dẫn* cũng tả một người đàn bà hay đàn nhưng cụ Nguyễn-Du nhân cái thân thế con hát tỏ mối buồn của mình về nỗi thành quách khác xưa triều đại biến cải.

Cái buồn của Bạch lạc thiên là cái buồn bị đày quan, bị kẻm ôm; cái buồn của Nguyễn Du là cái buồn vì thế sự, vì bao cuộc tang thương.

H. C.

1) Bài này dưới câu «xuân phong yểm ảnh đào hoa điệu» hình như còn mấy câu nữa, ai biết xin chỉ dùm?

2) Tây-Sơn.

Núi «Hồng-Lãnh»

(*ở Hà-tịnh*)

«Non Hồng ai đắp mà cao»
Đây linh khí ngàn phương tinh tụ mãi
Đỉnh non Hồng khẳng khai đượm thiêng liêng
Biển muôn trùng mang mang thu nhỏ lại;
Chân non hùng sóng-soãi vũng ao tiên.
Núi trập trùng từng dãy đứng ngang nhiên
Cây ran rẩy gió băng miền duyên hải
Gió vi vút ran lên lời cảm-khái
Oai hùng xưa chứng trải mấy phen rồi
Đỉnh non thần: mây phủ bốn xuân tươi
Non trăm động cảnh đời đời hùng tráng
Của đất nước: đây một vùng danh thắng
Còn ai người chiêm ngưỡng vẻ sắt son?

Cô CẨM-LAI

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 35 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

DƯỚI ông Thân-nhân-Trung, có những ông sau này đỗ đệ-tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân về khoa kỷ-sửu năm Quang-thuận thứ mười, tức là năm 1469 :

2. — Trần-Cần, người xã Thái-bạt, huyện Bất-bạt, phủ Quảng-oai, tỉnh Sơn-tây. Con Trần-văn-Huy. Đỗ năm hai-mươi-tám tuổi. Phụng mệnh đi sứ Tàu. Năm đầu hiệu Cảnh-thống, 1498, đời Hiến-tôn, làm quan đến Lại-bộ thượng-thư, sung chức đề-điệu. Năm kỷ-mùi, 1499, cha con cùng làm thủ-ban. Năm tân-mùi 1511 hiệu Hồng-thuận thứ ba, cháu là Trần-Tuân làm loạn, bị Mỹ huê-hầu Trịnh-duy-Sản giết. Con cháu bèn đổi ra họ Đặng, di-cư sang làng khác, đỗ đại-khoa rất nhiều. Một chi ở xã Thượng Yên-quyết, huyện Từ-liêm, là con cháu Đặng-công-Toản. Từ Thượng Yên-quyết, một chi sang ở xã Phù-đổng, huyện Tiên-du, là con cháu Đặng-công-Chất. Lại một chi ở xã Vân-canh, huyện Từ-liêm, là họ Lý Trần-Quán chép theo *Đăng khoa bị khảo*, sách viết bằng chữ nho của Trường Bác-cổ, số A 485, quyển Sơn-tây, tờ 73 b. *Đăng khoa lục* là sách in, thì chép một chi ở xã Lương-xá, huyện Chương-đức, một chi ở Thượng Yên-quyết, một chi nữa ở Phù-đổng. *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, quyển 24, tờ 32 b, sao một tờ sắc của vua Lê Hiến-Tôn, 1497-1504, dụ Trần-Cần như sau này : « Truất người dở, thăng người hay, vua Ngu-Thuấn sở dĩ trông suốt mọi việc. Tóm xét hư-danh với sự thực, vua Hán-Tuyên sở dĩ đến được trung-hưng. Nước nhà ta, xét đời xưa, đặt chức quan, dùng người cùng giữ chính, phép tuyển-cử, lệ khảo-khóa, đã rõ-ràng và đầy-đủ. Cớ sao các ngươi (là Lại-bộ thượng-thư Trần-Cần và Lại-khoa cấp-sự-trung là Lê-Trung) coi là cụ văn — (văn chiếu lệ) —, chẳng phân-biệt người hay người dở, để đến nỗi trong đường làm quan có kẻ những-lạm ? Từ nay các quan văn võ trong ngoài, đủ lệ chín năm, quả thực có tài-cán, mới cho xét là xứng chức được thăng thưởng ; nếu không có tài, chỉ theo người ta, làm việc chiếu lệ cho xong lần, thì không được theo lệ mãn khóa mà lạm thăng ».

3. — Nguyễn-xung-Xác, người xã Kim-đôi, huyện Vũ-ninh. Nguyên tên là Nhân-Phùng, vua đổi là Trọng-Xác, rồi lại đổi là Xung-Xác. *Đại-Nam nhất thống chí*, sách viết bằng chữ nho của Trường Bác-cổ, số A 69 quyển Bắc-ninh, tờ 32 a, chép là Nguyễn-trọng-Ý. Đỗ năm mười-chín tuổi. Làm quan đến Hàn-lâm-viện thị-độc, coi việc viện, kiêm Lễ-bộ hữu thị-lang *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 16 a, in là tả-tả-thị-lang. Hay thơ, sở trường phú quốc-âm, dự Tao-đàn nhị-thập bát tú. Có làm tập Tiêu-tương bát-cảnh, ông Lê-quí-Đôn khen là tuyệt-xướng xưa nay. Anh em năm người cùng làm quan một triều : người đời ví như năm cây quế Yên-sơn. Con cháu sau khoa bảng cũng thịnh. Vua Lê Thánh-Tôn, 1460 1497, thường bảo thị thần : « Kim-đôi gia, chu tử mãn triều », nghĩa là gia-thế Kim-đôi, áo đỏ áo tía đầy triều. Bộ *Toàn Việt thi lục* của ông Lê-quí-Đôn, sách viết của Bác-cổ, số A 1262, quyển 11, tờ 21 a, còn sao được mười-chín bài thơ cận-thể của ông Nguyễn-xung-Xác, là những bài sau này : 1, Tướng sĩ nhớ nhà ; 2 Người anh-tài ; 3, Động Lục-vân ; 4 Nhổ chèo sáng sớm ở sông Thiên-vực ; 5, Nhớ công-nghiệp đức Thái-tổ ; 6, Bái yết Sơn-lăng ; 7, Lên đền Quang-đức cảm-tưởng thành-thỏ ; 8, Ngự nhà Kiến-thụy ; 9, Đóng quân châu Thúy-ái ; 10 Trăm giống thóc được mùa ; 11, Đạo làm vua ; 12, Tiết làm tôi ; 13, Pháp-cung cảm tưởng thành thơ ; 14, Tưởng-tượng người anh-hiền ; 15, Điềm lạ ; 16, Làm đùa sau khi thảo xong bộ sách ; 17, Văn-nhân ; 18, Hoa mai ; 19, Hoa vần tiễn quan Hiệu-thư là Đàm-văn-Lễ đi sứ Tàu. Mười chín bài này đều là thơ chữ : mười-tám bài trên họa vần ngự-chế.

4. — Nguyễn-Minh, người xã Liên-thượng, huyện Đường-hào, phủ Thượng hồng, tỉnh Hải-dương. Hai-mươi-mốt tuổi đỗ đồng-tiến sĩ khoa kỷ sửu 1469. Làm quan đến tả-thị-lang chép theo *Đăng khoa lục*, quyển 1 tờ 16a, và *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 2 b.

5. — Nguyễn văn-Bính, người xã Công-trung, huyện Đông-thành, phủ Diễn-châu, tỉnh Nghệ-an. Năm ba-mươi-mốt tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa kỷ-sửu 1469. Làm quan đến Hàn-lâm *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 16b, *Đăng khoa bị khảo*, quyển Nghệ an tờ 32 b.

6. — *Nguyễn khắc-Cung*, người xã Xuân lũng, huyện Sơn-vi, phủ Lâm thao, tỉnh Sơn tây. Năm ba-mươi bảy tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa kỷ sửu 1469. Phụng mệnh đi sứ Tàu, làm quan đến hữu thị lang *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 75 b. *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 16 b, chép làm quan đến Hình bộ tả thị lang.

7. — *Nguyễn thạch-Trụ*, người xã *Xuân-lôi*, huyện Yên-phong. Đỗ đồng tiến sĩ khoa kỷ sửu 1469. Làm quan đến Lại bộ tả thị lang. *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 16 b.

8. — Lê sĩ-Dũng, người xã Phụ-vệ, huyện Chí linh, tỉnh Hải dương. Đỗ đồng tiến sĩ khoa kỷ sửu 1469. Đổi sang võ chức, làm quan đến Tổng binh thiêm sự *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 16 b. *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 78 a.

Còn nữa

Ứng hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

Thời-đàm

XỨ BRÉSIL

NHẬT-NHAM

XỨ BRÉSIL là một nước to hơn tất cả các nước Nam-Mỹ, địa-thế rộng bằng địa-thế Âu-châu : 855 vạn cây số vuông, kinh-đô là Rio de Janeiro.

Về phía đông-nam, có nhiều giải núi cao chạy theo miền duyên-hải Đại-tây-dương, làm địa-giới cho các khu-vực Bahia, Minas-Geraes, Sao-Paulo. Phía bắc là đồng bằng phì nhiêu — vừa rộng, vừa lắm rừng, có sông Amazone và các chi-lưu : Madeira, Tapajoz, Xingu, chảy qua — sản xuất các thứ cà-phê, thóc, bông, thuốc lá, mía, tiện cho sự chăn nuôi súc-vật mà nhờ đó nền kỹ-nghệ về sữa cũng rất mở-mang.

Xứ Brésil có nhiều mỏ vàng, đồng, sắt, vân vân. Trong các khu rừng rậm miền lưu-vực sông Amazone, có nhiều thứ gỗ quý, nhựa cao-su, cây dùng làm thuốc, cây có chất nhuộm.

Dân số 30 triệu người, ngày một thêm tăng ; ngoài ra lại có dân các nước di-cư đến. Trong số các dân-tộc đến ở xứ Brésil, phần đông là người Ý, sau đến người Đức có ước 35 vạn họp thành các đoàn-thể liên-lạc với nhau trong các tỉnh miền nam. Một thành phố to Porto-Alegre quang-cảnh tựa một thành phố Đức một trăm phần trăm. Nhiều thị trấn đều có tên Đức như Blumenau, Tentonia, Annaburg, vân vân. Người Đức di cư đến Brésil không đồng-hóa với dân bản-xứ, vẫn giữ ngôn ngữ và phong tục riêng : có trường học, có báo-quán, sự sinh-hoạt có phần phát đạt. Vì vậy, người Đức hi-vọng một ngày kia sẽ bành trướng thế lực Nhật-nhĩ-man lên toàn cõi Plata (Nam-Mỹ). Năm 1911, một nhà báo Đức đã viết : « Ta hi-vọng, sau khi tổ chức lại xong các nước Nam-Mỹ, sau khi giống lai Ấu-độ và La-tinh đã bị tiêu-diệt, miền lưu vực sông Plata rộng rãi bao la sẽ trở nên một thuộc-địa của Đức ».

Từ thế-kỷ thứ XVI, người Bồ-đào-nha đã chiếm được xứ Brésil đặt làm thuộc-địa.

Sau vì các nhà cầm quyền Bồ-đào-nha dùng nhiều chính sách bá khắc, nên xứ Brésil khôi-phục lại nền độc lập bằng một cách rất ôn hòa, khiến Triều-đình Bồ-đào-nha cũng phải thỏa thuận.

Năm 1808, vua Jean VI de Braganer bị binh Pháp đánh thua, phải bỏ kinh thành Lisbonne (Bồ-đào-nha) chạy sang lánh nạn tại Rio de Janeiro. Năm 1815 thấy xứ Brésil chậm bước trên đường tiến-thủ, vua Jean VI bèn xuống chỉ đặt xứ Brésil thành một đế-quốc, — và lo việc mở mang cho xứ ấy ngày thêm phồn thịnh. Cho nên sau khi vua Jean VI lại trở về kinh-thành Lisbonne, xứ Brésil không thể lại hồi phục tình thế cũ của một thuộc địa Bồ-đào-nha. Theo gương các nước lân-bang đã thoát-ly đô hộ Tây-ban-nha, xứ Brésil công bố đoạn tuyệt hẳn với chính-quốc Bồ-đào-nha và đến năm 1822, lập thành một đế-quốc dưới chính-thể lập-hiến của vua Pédro đệ nhất, hoàng-tử vua Jean VI.

Đô-đốc Anh Cochrane, trước đã từng hợp-tác với San Martin để khôi-phục nền độc lập cho xứ Chili và xứ Pérou, đánh đuổi người Bồ-đào-nha, trục xuất khỏi các vùng Bahia, Maranhão và Para là những nơi cư-trú cuối cùng của người Bồ-đào-nha (1823).

Sau khi các nước Nam-Mỹ được độc lập, vì có sự phân-tranh về cương-giới, nên nhiều nước đánh lẫn nhau Như xứ Plata hợp-tác với xứ Paraguay để chống với khối liên-minh Brésil, Argentine và Uruguay trong vòng 3 năm (1864-1870). Sau trận này, xứ Paraguay bị thua, lâm vào cảnh điêu tàn. Lại trong mỗi nước, luôn luôn có cuộc nội biến, đảng nọ công kích đảng kia, tướng này chống nhau với tướng khác để chiếm lấy chủ-quyền, gây biết bao cuộc đổ máu, tàn sát, làm cho dân tình phải điêu đứng. Mãi đến năm 1889, trong xứ Brésil nổi lên phong trào cách-mệnh làm đảo-lộn cả cục-diện, cải tạo xứ Brésil thành một dân quốc lập hiến.

Rồi từ đấy, xứ Brésil dần dần trở lại thái-bình thịnh-trị, dân-cư yên nghiệp làm ăn. Nhờ có nhiều khoáng-sản, lâm-sản và nông-sản, chẳng bao lâu xứ Brésil trở nên cường thịnh, chiếm một địa vị ngày thêm quan-trọng trong trường kinh-tế hoàn-cầu.

Về phương-diện binh-bị, Brésil cũng không kém phần quan-trọng.

Xứ Brésil hiện thời có 5 đoàn lục-quân, 3 đoàn kỵ-binh, 1 đoàn pháo-binh chuyên coi miền duyên-hải. Binh chế Brésil đương sửa đổi theo phương-pháp tối tân.

Ham-đội Brésil có :

1· Hai chiếc thiết-giáp kiểu cũ Minas Gerases và Sao Paulo trọng tải mỗi thứ 2 vạn tấn ;

2· Một thiết-giáp coi miền duyên-hải Floriano trọng tải 3 nghìn tấn đóng từ năm 1899 vẫn còn dùng ;

3· Hai chiếc tuần-dương nhẹ Bahia và Rio Grande Do Sul kiểu Scont của hạm đội Anh ;

4· Tám chiếc tầu phá phóng ngư-lôi ;

5· Bốn chiếc tiềm-thủy-đĩnh và nhiều chiến thuyền các kiểu.

Décembre 1941 ! Hoa-kỳ tuyên-chiến với các cường-quốc phe Trục. Ngọn lửa chiến-tranh bùng cháy trên mặt Thái-bình-dương và lan đến miền duyên-hải Tây-bán-cầu. Từ bắc đến nam, toàn-thể Tân-lục-địa lo cách phòng-thủ để đối phó với thời-cục.

Sau khi các nước Mỹ-châu hội-nghị tại Rio de Janeiro vào tháng Janvier 1942 để bàn về vấn đề phòng-thủ chung, toàn-thể Mỹ-châu, trừ hai nước Chili và Argentine, đều tuyệt giao với cường-quốc phe Trục để thực hành chủ nghĩa liên-Mỹ của Tổng-thống Hoa-kỳ Monroë để lại.

Xứ Brésil cũng như các nước Tây-bán-cầu đã tuyệt-giao với Đức-Ý.

Ngày 13 Août 1942, chính-phủ Rio de Janeiro được tin năm chiếc tầu vận-tải hành-khách đi dự hội-nghị Sao Paulo từ hải-khẩu nọ đến hải-khẩu kia tại Brésil bị ngư-lôi đánh đắm ngoài khơi, đêm 15 rạng 16 Aout 1942. Số người thiệt mạng chia ra sau này :

1 Tầu Baepeneq : 243 người chết ;
2. Tầu Araquara : 168 người chết ;
3. Tầu Anibal Bewolo: 137 người chết ;
4. Tầu Arara : 15 người chết ;
5 Tầu Itagiban : 3 người chết ;

Tổng cộng 566 người chết.

Ngay sau khi ấy, tại thành Sao Paulo, hàng vạn học-sinh nổi lòng công-phẫn, họp biểu-tình giữa thành-phố, đọc diễn văn, treo cờ Brésil, để tỏ lòng phản-kháng. Từng đoàn học-sinh riễu qua các ngả, vào các nơi trà thất, tửu-lâu yêu cầu mọi người im lặng một phút để viếng linh-hồn những đồng-bào bị nạn đắm tầu. Các khách hàng đương ăn nống đều đứng dậy tỏ lòng ai-điếu và hô khẩu-hiệu : «Xứ Brésil trường-tồn !»

Dân chúng tràn ngập trong vườn Tổng-thống để yêu-cầu chính-phủ hành động. Tổng-thống Vargas, từ sau khi gặp nạn 1er Mai 1942, lần đầu phải xuất hiện trên khung cửa sổ và khuyên dân-chúng nên bình-tĩnh và tin cậy vào chính-phủ để bảo toàn danh-dự cho tổ-quốc.

Viên xã-trưởng kinh thành Rio hạ lệnh đóng cửa các nhà buôn, các học-đường, các công sở trong thành phố để tỏ lòng ai-điếu các người bị nạn.

Lần lượt Tổng-thống xứ Uruguay, ngoại-tướng xứ Argentine đều gửi điện tín phân-ưu cùng Chính-phủ Brésil. Một mặt Chính-phủ Chili cũng công-bố phản-kháng việc đánh đắm năm chiếc tầu của xứ Brésil.

Phi-cơ xứ Uruguay hợp-tác với phi-cơ xứ Brésil để đi tiễu-trừ ba chiếc tàu ngầm Đức ẩn hiện gần miền duyên-hải Brésil.

Các báo kinh-thành Rio de Janeiro công-bố : những cuộc ném bom tàu ngầm Đức-Ý, những cuộc khu trục các tàu ngầm ấy bằng chiến hạm Brésil cũng đủ để trả nhời những sự phá hoại của Đức-Ý trên đường vận tải miền duyên hải Brésil, trước khi Chính phủ Brésil giải quyết xong các phương pháp để đối phó tới thời-cục.

Ngày 21 Août 1942, một tờ thông-đạt do các đại biểu Brésil chuyển giao cho các Chính-phủ Nam-Mỹ nói rõ là sau việc khiêu-khích của các nước Trục đối với xứ Brésil, Chính-phủ Brésil buộc phải công-bố đứng vào tình thế chiến tranh với Đức-Ý và sẽ tùy sức, tùy tài, chống lại những cuộc xâm-lăng của Trục phạm đến chủ-quyền, nền tự-do, cuộc trị-an của xứ Brésil và của toàn thể Mỹ châu.

Chính-phủ Brésil lại bá cáo với các lãnh-sự Đức và Ý ở Rio de Janeiro là xứ Brésil đã đứng vào tình-thế chiến-tranh với Đức, Ý. Nhời công-bố ấy được các giới Hoa-thịnh-đốn cực-lực hoan-nghênh. Chính-giới đều công-nhận : đứng trước những sự phá-hoại các tàu Brésil do tàu ngầm Đức-Ý gây nên, xứ Brésil không thể im-lặng mà không đối-phó, để hợp-tác chặt-chẽ với các nước Mỹ-châu đương theo đuổi chủ nghĩa liên-Mỹ.

Thế là Hoa-kỳ lại đi tới thêm một đích: lấy danh-nghĩa phòng-thủ chung lục-địa Tây-bán-cầu, Hoa-kỳ đã từng theo đuổi việc đoàn-kết chặt-chẽ Bắc-Mỹ với Nam-Mỹ để đối phó với Đức-Ý. Xứ Brésil tuyên-chiến với Đức-Ý tức là thực-hành chủ-nghĩa liên-Mỹ vậy.

Quyết-nghị của xứ Brésil làm sôi nổi dư-luận tất cả các nước Nam-Mỹ. Quyết-nghị ấy được coi như một việc nghiêm-trọng để bênh-vực quyền-lợi cho toàn-thể lục-địa, vì đã đặt các quốc-gia và lục-địa đứng trước những trách-nhiệm mới theo sau các điều cam-kết tại hội-nghị liên-Mỹ.

Mỗi nước đều có một vấn-đề giải-quyết ; hợp-tác với xứ Brésil bằng cách nào ?

Hiện nay, xứ Brésil được dư-luận các nước Nam-Mỹ đều ủng-hộ. Người ta ức-đoán sẽ có vài nước theo gương xứ Brésil tuyên-chiến với Đức-Ý.

Sau cuộc hội nghị các vị thượng-thư tại Montevides, Chính phủ Uruguay công-bố hợp-tác chặt-chẽ với xứ Brésil trong giới-hạn các điều-ước liên-Mỹ để giữ nguyên địa-vị mình trước hai cường-quốc Đức-Ý. Xứ Uruguay chưa dự chiến, vì tình thế chiến-tranh có thể đem lại cho xứ Uruguay nhiều vấn đề quốc-tế quan-trọng một khi chiến tranh sẽ lan đến sông Rio de la Plata là con đường duy-nhất giao-thông với Buenos Aires, kinh-thành Argentine, một nước đứng trung-lập trong cuộc chiến-tranh hiện-đại. Vì vậy xứ Uruguay chưa công-bố ở vào tình-thế chiến-tranh vội, nhưng sẽ đầy-đủ bổn-phận trong việc phòng-thủ chung, để giữ nguyên lãnh thổ các nước Mỹ-châu.

Thế-giới rất chú-ý đến thái-độ Argentine và Chili là hai nước Mỹ-châu chưa tuyệt-giao với phe Trục.

Chính-phủ Argentine phân-ưu với xứ Brésil về việc đắm tàu và Chính-phủ Chili phản-kháng việc đắm tàu Brésil với các đại-biểu Đức-Ý tại Santiago, đủ tỏ thái-độ hai nước đã có phần thay đổi.

Vả, nếu một ngày kia, xứ Uruguay tuyên-chiến với Đức-Ý, chiến-tranh sẽ lan đến miền Rio de la Plata. Khi ấy xứ Argentine gần đấy liệu còn giữ mãi được nền trung-lập hay không ?

Các giới quân-sự Chili công nhận là muốn giúp các nước Mỹ-châu theo đuổi chiến-tranh, không gì hơn giữ cho trong nước được thái-bình, thực-hành các hiệp-ước kinh-tế một cách triệt-để, trong sự yên-ổn, trong giới hạn quyền-lợi các nước trung-lập, trong phạm-vi luật quốc tế. Đã nhiều phen thái-độ Chili thay đổi trong những trường hợp có ảnh hưởng đến quyền lợi quốc gia.

21 đại-biểu quân-sự các dân-quốc Mỹ-châu có chân trong hội nghị liên-Mỹ phòng-thủ, trong một kỳ họp bất thường, đã quyết-nghị trung-thành và đoàn-kết với xứ Brésil, sau khi Brésil, tuyên-chiến với Đức-Ý.

Thế là sự đoàn-kết giữa các nước Mỹ-châu mỗi ngày một thêm chặt-chẽ. Ngay nay, không phải chỉ riêng một Hoa-kỳ phấn đấu để làm cho các nước Nam Mỹ thay đổi thái-độ. Cạnh Hoa-kỳ, hiện nay có xứ Brésil nhập cuộc, ảnh hưởng đến các nước Nam-Mỹ hiện còn đương ngần-ngại đứng ngoài vòng chiến-tranh chưa dám quyết-định. Ảnh-hưởng ấy còn công hiệu hơn sự tuyên-truyền của Bắc-Mỹ nhiều lắm. Vẫn biết rằng hai xứ Argentine và Chili hiện nay

Xem tiếp trang 23

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 12 của CHU-THIÊN

LIÊN - TƯỜNG phu - nhân thương-hại :

— Chúng - sinh tội lỗi biết bao giờ cho thoát vòng bể khổ ! Thương thay cũng là người mà tự gây lấy nghiệt căn, sinh nên đại-họa ! Thưa đại quan đã biết kẻ sát-nhân chưa ?

— Ấy chưa biết, nên tôi phải về ngay để trình lên quan Tổng - trấn.

II

Sáng hôm sau Trần - Long sang dinh quan Tổng - trấn trình rõ mọi việc vừa xảy ra ấy. Quan Tổng-trấn nghe xong, không tỏ vẻ kinh ngạc, mỉm cười hỏi lại quan Đề đốc :

— Việc đã xảy ra như thế, đại-quan nên xử trí thế nào cho phải ?

— Bẩm đại-quan, tiểu chức trộm nghĩ, đại quan nên trình việc này về Bộ và thảo sớ tâu lên Hoàng-thượng đợi Ngài phán bảo ra sao. Còn một mặt, sức khắp trong trấn tầm-nã thủ phạm. Dù sao nữa, Trần Tham quan cũng là bậc quan-liêu trong trấn, kẻ sát nhân làm như vậy tỏ ra không sợ luật-pháp triều-đình và khinh nhờn quyền hành các quan bản-trấn.

— Vâng, đại quan nói rất phải. Nhưng trước hết ta phải cho mai-táng thi thể Tham-quan đã. Cứ như đơn của phủ quan và theo lời đại-quan vừa nói, thì Trần-Ngũ có thể coi như là phạm pháp làm xằng mà thiệt mạng. Vậy không được theo nghi-lễ quan tước, và các quan trong trấn cũng không phải đi đưa. Ta chỉ việc sức cho Phủ-quan phái lính mua một cái quan tài mộc, khâm-liệm qua loa, rồi chôn vùi ngay ở rừng ấy cho gọn ghẽ, đừng có làm náo lòng dân. Thế thôi. Đại-quan nghĩ thế có phải ?

— Bẩm đại-quan dạy thế, hợp với điển-lệ triều-đình lắm !

Quan Tổng-trấn gọi đô-lại thảo giấy sức cho quan Phân-phủ Đông-ngàn tuân hành. Giấy thảo xong đệ lên, quan Tổng-trấn đọc qua lại, rồi đưa cho Trần-Long xem ; đoạn ngài phê chữ, sai in ấn-dấu vào, xong giao cho một tên lính cầm hỏa-bài phóng ngựa chạy như bay về hạt Đông-ngàn.

Tên lính đi rồi, quan Tổng - trấn quay lại nói với Trần-Long :

— Bây giờ ta thảo sớ về triều, còn việc sức truy tầm thủ phạm xin để nhờ đại-quan cả.

Trần-Long vui-vẻ đáp :

— Bẩm đại-quan vâng, việc truy tầm thủ phạm là phận sự của tiểu-chức.

Quan Tổng-trấn liền lấy giấy bút thảo giấp tờ sớ, rồi đưa cho Trần-long xem.

Trần-Long đọc xong, trao giả lại quan Tổng-trấn và nói :

— Bẩm đại quan được lắm rồi ạ ! Công việc xong rồi, tiểu chức xin đại quan rộng cho lui gót.

Quan Tổng-trấn liền đứng lên nói:

— Vâng, đại-quan về !

Rồi ngài tiễn chân Trần - Long ra đến sân, vừa đi vừa nói :

— Đại quan về thông sức cho cả trấn phải truy tầm. Đại - quan lại sức cứ bắt cả những tên nào mang họ Phan, mà xét ra thanh-tích bất hảo, hay ngang tàng hào-hiệp, thì cứ giữ lại, giải lên dinh xét hỏi.

— Bẩm đại quan, vâng. Tiểu chức xin bái biệt đại quan.

— Không dám. Kính đại - quan lại dinh.

Trần-Long về dinh liền sai thảo tờ thông sức đi khắp các phủ, huyện đồn, trại. Tờ sức rằng :

« *Quan Đề-đốc trấn Kinh bắc Trần thông sức cho các Phân phủ các phủ, các Trấn thủ các đồn trại tuân :*

« *Nguyên ngày... tháng này, vị Tham quan ở bản dinh là Trần - Ngũ đi khám xét các đồn trại, đã năm hôm không thấy về, bản dinh đã cho đi xét hỏi. Thì buổi triều hôm ấy, có đơn quan Phân-phủ Đông-ngàn về trình : Tham quan bị kẻ nào ám-sát ở rừng Sặt. Bản dinh liền đến ngay tận nơi khám xét, thấy Tham-quan bị mũi tên độc s ên qua cổ. Hiện đã mai táng Tham-quan theo nghi-lễ rồi. Vậy nay thông sức cho các phủ, các đồn phải cùng nhau tận lực khám xét trong địa hạt mình bắt những kẻ hung-hãn ngỗ-nghịch về xét hỏi, đứa nào tỏ vẻ khả nghi lập tức giải lên bản dinh, buộc vào tội tình-nghi.*

« *Lại mật sức phải bắt cả những người họ Phan nào thanh - tích bất hảo hay hào hiệp ngang tàng, cũng giải lên bản dinh xét hỏi. Vậy nên có tờ mật sức này !*

« *Thượng thượng khẩn*

« *Hoàng h ệu.....!*

Viết xong các tờ khẩn sức giao cho thuộc hạ đem đi rồi, Trần Long lại sai thảo luôn bốn tờ tư cho các quan Tổng-trấn Sơn-tây, Lạng-sơn Sơn - nam và An - dương, nhờ các quan ấy sức tầm nã hộ thủ phạm. Tờ tư rằng :

« *Kính-bắc trấn Đề-đốc Trần-Long hai lậy dâng thư lên quan Tổng-trấn... biết :*

Nguyên mới rồi ở bản trấn có kẻ hạ dân bạo ngược, đón đường giết Tham quan ở bản dinh là Trần-Ngũ trong khu rừng Sặt hạt Đông - ngàn. Kẻ ấy lại tự sưng là Phan - công - tử Hiện trong bản trấn, tiểu chức đã thông sức truy tầm thủ phạm rất nghiêm ngặt. Sợ rằng thủ-phạm sẽ lẩn tránh trong trấn khác, nên tiểu-chức cúi mong đại-quan thông sức các hạt giáp-giới phải xét hỏi người qua lại hết sức nghiêm-ngặt và truy tầm thủ-phạm giúp bản trấn, ngõ hầu trừ được một kẻ bạn nghịch của Triều-đình và giữ yên

vui cho trăm họ. Nên phải có tờ thư này.

« *Hoàng hiệu.*

Tờ sức và tờ tư gửi đi rồi, việc truy-tầm thủ-phạm, kế tiếp gắt-gao quá làm sôi nổi cả dân-gian vùng Kinh-bắc. Bao nhiêu những tay nổi tiếng là gian-ác, bao nhiêu những người thanh tích bất hảo, bao nhiêu những người mang danh họ Phan đều bị bắt giữ lại ở đồn, ở nha để xét hỏi. Những người nào giả nhời lúng túng xét ra có vẻ khả nghi, liền bị giải lên dinh quan Đề-đốc để tiện việc tra xét. Cả ở các trấn, cũng có giải những dân nghi-phạm về. Thành ra dinh Đề-đốc phải giam nhiều người, công-việc nhiều lên gấp bội, lính tráng phải canh-phòng cẩn-mật và bận-rộn thêm nhiều. Quan Tổng-trấn nhiều hôm phải thân sang dinh Đề-đốc giúp Trần-Long tra xét những người bị bắt. Nhưng rút cục lại, các quan chỉ mất công hỏi cung và suy-nghĩ hết ngày ấy sang ngày khác, mà cái nghi án giết Tham-quan kia vẫn không tài nào khám phá ra được! Những người bị giam xét ra đều là oan uổng, không có bằng chứng gì mà buộc tội, đều lần-lượt được tha về. Hơn một tháng giời bận-rộn, tra xét, tư đi bẩm lại, mà không sao tìm ra được kẻ nào là Phan công tử, hay nói cho đúng hơn là thủ phạm giết Tham-quan. Trần-Long đã tưởng cái án ấy đành để đợi Bao-công sống lại mới tra ra.

Chợt một hôm, Trần Đề-đốc vừa ra ngồi xử việc ở ngoài công-đường, một tên lính liền vào bẩm có một đứa trẻ con xin vào bái kiến. Trần Long lấy làm lạ hỏi :

— Đứa trẻ con ?

— Bẩm thượng-quan vâng ạ đứa trẻ đeo cung cưỡi ngựa !

— Ừ, ra bảo nó vào.

Tên lính ra. Một lúc sau, thấy đưa vào một đứa trẻ độ tám chín tuổi, mặt tròn trĩnh, mắt sáng, mày dài, miệng tươi như hoa, mình cao, ra dáng khỏe-mạnh, trông có vẻ khôi-ngô tuấn tú lắm... Vai đeo cung, tay cầm kiếm, cử chỉ rất đĩnh-đạc, tiến vào đến thềm liền phủ-phục lậy chào rất lễ-phép :

— Kẻ đồng-tử này xin bái chúc thượng-quan.

Trần Long càng lấy làm lạ, hỏi :

— Kẻ đồng-tử kia ! Ta miễn lễ cho ! Mi muốn hỏi việc gì ?

Đứa trẻ vẫn quỳ lạy thưa :

— Trăm lạy thượng-quan, kẻ đồng-tử này xin bó mình chịu tội trước sân lôi-đình !

Trần-Long, trong lòng nghi-hoặc, nhìn chằm chặp mà hỏi rằng :

— Ta cho mi đứng dậy, lại gần đây ta hỏi... Mi làm gì nên tội ? Và tội gì mà lại đến đây thú với ta làm vậy ?

Đứa trẻ thưa :

— Dạ ! dám bẩm thượng-quan, chính kẻ đồng tử này là hung-thủ đã bắn chết viên Tham-quan ngày nọ ! Biết thân tội nặng, lưới giời khôn tránh, nên phải đến đây minh thú, xin chịu điển-hình, dầu cho thịt nát xương tan, cũng không bao giờ dám kêu ca !

Trần Đề-đốc giật mình kinh-hãi vội đứng dậy hỏi dồn rằng :

— Chính mi giết ? Chính mi là hung-thủ ? Chính mi tự xưng là Phan công-tử ? Nếu vậy, sao bây giờ mi mới ra thú tội ?

Đứa trẻ bình-tĩnh thưa :

— Xin thượng-quan khoan lượng cho kẻ đồng-tử này được tỏ bày. Đã có gan giết người, tất có gan chịu tội. Nếu giết người mà trốn tội, không phải là kẻ anh-hùng, trốn đi mà để lụy cho người.

Còn nữa

CHU-THIÊN

Ai muốn viết thư trao đổi ý-kiến về các vấn đề tinh - thần xin gửi đến

M. Tứ - Hải

▼

Boîte Postale N° 74, Saigon

Xứ Brésil

tiếp theo trang 21

đứng trung-lập, nhưng rồi ra cũng phải thay đổi thái độ một khi xảy ra các việc có hại đến quyền-lợi quốc-gia, do Đức-Ý gây nên trong việc thực hành chính sách của Trục.

Về phương diện binh bị, xứ Brésil sẽ cho Đồng-minh dùng các quân - cảng để một ngày kia tấn-công sang châu Phi. Các trường bay cũng để Đồng-minh làm căn cứ không quân. Chính-phủ Brésil sẽ kiểm - soát kênh Panama và giúp Đồng-minh các nguyên liệu quan trọng để theo đuổi cuộc chiến tranh.

Chính phủ Brésil lại có thể chú ý đến sự bành đông bí mật của bên địch, như âm mưu phá hoại, gián-điệp, tuyên-truyền. Công dụng của xứ Brésil không phải là nhỏ, vì tại Brésil hiện nay có 60 vạn kiều dân Đức cần phải kiểm soát luôn luôn.

Nói tóm lại, sự tham chiến của xứ Brésil rất ảnh hưởng đến các nước khác, ở Nam Mỹ và theo gương Brésil biết đâu chẳng còn nhiều nước Tân-lục địa nhảy lên vũ đài thế giới. Một chứng cớ là xứ Argentine bấy lâu vẫn giữ nền trung lập đã gửi điệp sang Bá-linh để phản kháng việc đắm tàu Brésil và quốc-hội Argentine cũng tỏ tình đoàn kết với xứ Brésil.

Thái độ xứ Chili cũng dần dần thay đổi, để xa chính sách trung lập.

Xứ Uruguay đã công bố đứng cạnh xứ Brésil trong khi Brésil dự-chiến.

Thế là từ dọi đất Alaska phía bắc đến miền La Plata phía nam, đã thành lập một chiến tuyến rất giải gần như liên tiếp, một bức lũy kiên cố làm trở lực cho cuộc tấn công của phe địch.

Thêm một xứ Brésil nhập cuộc, chiến tranh lại dài thêm một giai-đoạn, bàn cờ quốc tế lại nhiều phen bày bày xóa xóa.

NHẬT-NHAM

Giá báo

Mỗi số	0 p. 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Lần đầu tiên, lớn nhất ở Nam-kỳ

Nhà xuất bản Đồng-Nai

SẮP CÓ BÁN :

CỨU LẤY THANH-NIÊN

Ấn loát mỹ thuật toàn bằng giấy lụa mà bán rất rẻ để thanh niên các giới đều được đọc — Mỗi quyển 0p.75. Tác phẩm đầu tiên để ra mắt, của **Khổng-Dương**

Một chương trình cải tạo và gây dựng thanh niên Việt Nam cần phải thực hành ngay từ bây giờ.

« Qua những cơn bão táp của tâm hồn do sự xung đột trong lúc giao-tiếp của hai nền văn-hóa Đông-Tây lại đến cơn bão táp của thời cuộc dạy chúng ta hiết suy nghĩ gắn sức...

Tôi chẳng dám cả tiếng khuyên bạn. Tôi chỉ ước ao chúng ta nên thế ấy và thế ấy. Và sự ước ao của tôi quá mạnh hơn một chút, đó là chỉ muốn bùng lên ở bạn một ngọn lửa hồng, sôi nổi lên ở bạn một chất nhựa mạnh đang tiềm tàng một nguồn máu nóng đang chuyển lưu».

Khổng-Dương

(trong cứu lấy thanh niên)

Những sách Đ.N không gửi en consignation. Chẳng [illegible] quyển trong một địa hạt nào cả, lượng những điều kiện riêng.

TRƯƠNG-VĂN-HAI
Saigon Cochinchine
Boîte postale 220

ĐÃ CÓ BÁN :

THƠ' HÀN MẶC-TỬ'

— Những bài thơ chọn lọc của nhà thi sĩ thiên tài mà cái chết đã làm sôi nổi dư luận thi-giới và văn-giới Việt Nam.

— Đã có 7 cuộc diễn thuyết, 5 tờ báo pháp văn, 7 tờ báo quốc ngữ và 2 cuốn sách phê bình về thi văn và thân thế thi sĩ.

Sách in rất đẹp tại một nhà in lớn ở Hà-nội — Họa sĩ Phạm Tú Minh họa và trông nom về phần mỹ thuật

ĐÔNG PHƯƠNG xuất bản

227 — P. Blanchy — Saigon

Mới có bán

THẰNG PHƯƠNG

tiểu thuyết giáo dục của
NGUYỄN ĐỨC-QUỲNH

... Riêng tặng các bậc Phụ-huynh, các thầy giáo, và các cậu bé học-sinh nghịch-ngợm

Sách dày hơn 200 trang — Bìa rất đẹp — Giá 1 p. 50 Mua một quyển gửi tiền về trước ; 1 p. 50 + 0 p 50 cước = 2 p. 00 không bán lãnh hóa giao ngân

HÀN-THUYÊN xuất-bản cục

71, Phố Tiên Tsin, Hanoi

Những sách của Lê-Thăng xuất bản
Imprimerie du Nord
133 Rue du Coton

1·) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p. 25
2·) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 2 50
3·) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3 50
4·) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim 0 80
5) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim. 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 %.

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông-Pháp

1p00 một vé

Directeur : Nguyễn Tường-Phượng — Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi